



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NGK SÀI GÒN (SABECO)
Số 6 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 3829 4081 Fax: (08) 3829 6856
Website: www.sabeco.com.vn Email: sabeco@sabeco.com.vn
GCN ĐKKD số: 4103010027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp ngày 17/04/2008.

DANH MỤC TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN SABECO NĂM 2011

1. Chương trình Đại hội.
2. Báo cáo kết quả SXKD năm 2010 và kế hoạch SXKD năm 2011.
3. Báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo tài chính công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2010.
4. Báo cáo công tác quản lý và giám sát của Hội đồng quản trị năm 2010.
5. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát năm 2010.
6. Tờ trình các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2011.
7. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2010, kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2011.
8. Tờ trình quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2010, Kế hoạch tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2011.
9. Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2011.
10. Tờ trình bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị.
11. Quy chế tổ chức Đại hội.
12. Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị.

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN SABECO NĂM 2011

TT	Thời gian	Nội dung
1	07h30 – 08h30	- Đón tiếp đại biểu và cổ đông - Kiểm tra tư cách cổ đông
2	08h30 – 08h40	Thủ tục bắt đầu đại hội: - Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu. - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông, - Mời Chủ tọa lên điều hành Đại hội.
3	08h40 – 09h00	Thông qua nội dung và Quy chế tổ chức Đại hội
4	09h00 – 10h00	Tóm tắt các báo cáo, tờ trình cần xin ý kiến biểu quyết tại Đại hội
5	10h00 – 10h15	Bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị
6	10h15 – 10h30	Đại hội giải lao 15 phút
7	10h30 – 11h30	- Đại hội thảo luận các nội dung báo cáo, tờ trình - Giải đáp các ý kiến đóng góp tại Đại hội - Đại hội biểu quyết thông qua từng nội dung báo cáo, nội dung cần xin ý kiến biểu quyết
8	11h30 – 11h50	- Đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước phát biểu ý kiến
9	11h50 – 12h00	- Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị - Thành viên Hội đồng quản trị mới ra mắt
10	12h00 – 12h15	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội
11	12h15	- Bế mạc Đại hội



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN (SABECO)
Số 6 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 3829 4081 Fax: (08) 3829 6856
Website: www.sabeco.com.vn Email: sabeco@sabeco.com.vn
GCN ĐKKD số: 4103010027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp ngày 17/04/2008.

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 6 năm 2011

BÁO CÁO TỔNG KẾT CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH 2010:

Các yếu tố thuận lợi đối với hoạt động Sản xuất kinh doanh Bia:

- Giá nguyên liệu chính sản xuất bia giảm từ 10-20%,
- Tỷ giá ngoại tệ USD ổn định đúng như dự báo.
- Chính sách giảm thuế Tiêu thụ đặc biệt từ 75% xuống 45%.

Các yếu tố thuận lợi trên đã giúp cho hoạt động các doanh nghiệp sản xuất bia đạt được lợi nhuận cao, các dự án đầu tư tiếp cận được nguồn vốn vay với lãi suất hợp lý đã tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ cho một số dự án đầu tư mới.

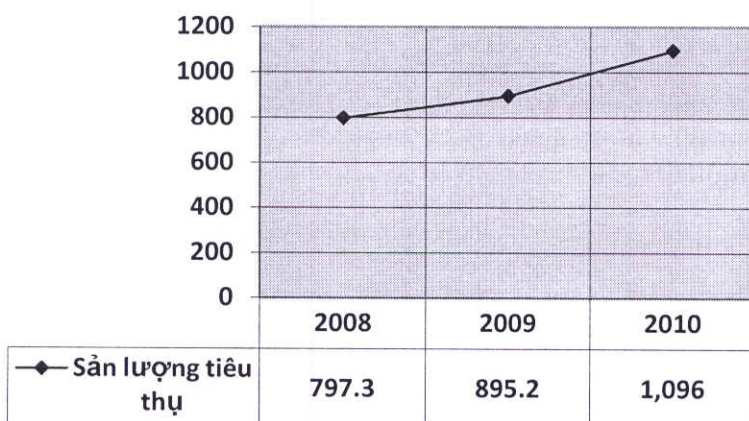
1. Kết quả hoạt động SXKD 2010

Đơn vị tính: tỷ đồng, triệu lít

TT	Khoản mục	Thực hiện 2009	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	TH/KH	TH/CK
1	Sản lượng Sản xuất và Tiêu thụ	372.7	391.7	402.6	103%	108%
2	Tổng doanh thu	6,952	8,226	9,664	117%	139%
3	Lợi nhuận trước thuế	852	2,010	2,672	133%	314%
4	Lợi nhuận sau thuế	848	1,993	2,593	130%	306%
5	Tỷ suất lợi nhuận/vốn điều lệ	13%	31%	40%	130%	308%
6	Thu nhập BQ(Tr. đ/tháng)	13	15.66	17.58	112%	135%

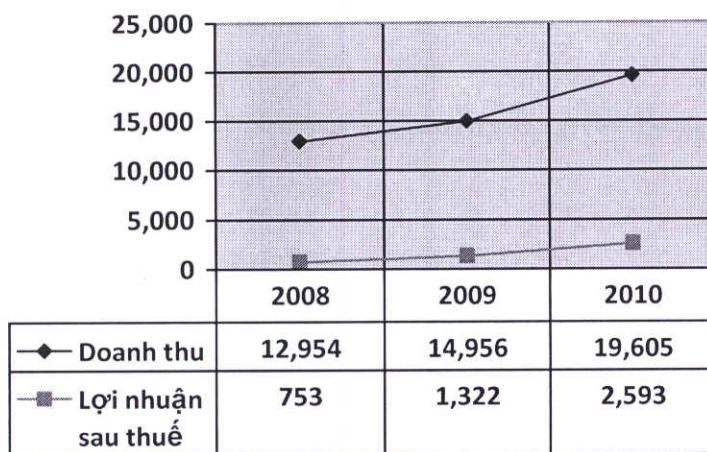
Bảng 1: Kết quả hoạt động SXKD tại Công ty Mẹ (số liệu ghi nhận tại Báo cáo Tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010)

a. Sản lượng, Doanh thu, Lợi nhuận.



– Tiêu thụ đạt 1,096 tỷ lít bằng 110% kế hoạch và tăng 22% so với cùng kỳ.

Biểu đồ 1: Sản lượng tiêu thụ Bia Saigon qua các năm.



- Tổng doanh thu đạt 19,181 tỷ đồng bằng 115% kế hoạch, tăng 28% so cùng kỳ.

- Tổng lợi nhuận sau thuế đạt 2,170 tỷ đồng bằng 109% kế hoạch, tăng 64% so với cùng kỳ.

Biểu đồ 2: Doanh thu, lợi nhuận sau thuế tại Công ty Mẹ và Công ty 100% vốn qua các năm.

b. Tài sản và vốn chủ sở hữu tại Công ty Mẹ

- Tài sản và vốn chủ sở hữu tăng chủ yếu do lợi nhuận tạo ra từ hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm bia.

Khoản mục	Đơn vị tính	2009	2010	2010/2009
Tổng tài sản	Tỷ đồng	10,855	11,182	103%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	7,306	7,395	101%

(Số liệu ghi nhận tại Báo cáo Tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010)

c. Các hoạt động đầu tư bên ngoài

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Ngành	Tổng vốn đầu tư năm 2009	Tổng vốn đầu tư năm 2010	Tỷ suất TNTC/Tổng vốn đầu tư	
			2009	2010
Ngành nghề SXKD chính	1,781	1,798	14.92%	15.45%
Bao bì	307	307	19.69%	2.82%
Các ngành khác	1,678	1,850	3.18%	2.60%
Tổng cộng	3,766	3,955	10.08%	8.46%

2. Cụ thể các kết quả đạt được trong năm 2010 như sau:

a. Sản lượng tiêu thụ:

Đạt mức sản lượng **1 tỷ lít Bia** nhờ nỗ lực không ngừng trong đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án xây dựng Nhà máy Bia, hoàn thiện hệ thống bán hàng, chính sách bán hàng và hệ thống vận tải - giao nhận. Đây là con số đáng tự hào đánh dấu chặng đường phát triển của SABECO nhằm tiến nhanh và xa hơn nữa trong việc chinh phục khách hàng Việt Nam và Thế giới. Việc đạt mốc 1 tỷ lít Bia giúp SABECO đứng thứ 21 trong số các nhà sản xuất bia hàng đầu thế giới và Top 3 các nhà sản xuất bia hàng đầu khu vực Đông Nam Á. Đây cũng là năm đầu tiên SABECO đạt doanh số 19,913 tỷ đồng, tương đương 1 tỷ USD. *(số liệu ghi nhận tại Báo cáo Tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010).*

b. Hoạt động đầu tư XDCB:

Hoàn thành bốn dự án xây dựng nhà máy Bia trong năm 2010. Các dự án hoàn thành tăng năng lực ngành Bia thêm 300 triệu lít (gồm 150 triệu lít bia lon và 150 triệu lít bia chai). Cụ thể các dự án trọng tâm đã hoàn thành trong năm 2010:

- Dự án Nhà máy Bia Sài Gòn - Sông Lam, Nhà máy Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi đã tiến hành sản xuất mẻ bia thương mại đầu tiên vào tháng 8/2010;

- Dự án Nhà máy Bia Sài Gòn – Phú Thọ đã sản xuất mẻ bia thương mại đầu tiên vào tháng 9/2010;

- Dự án NM Bia Sài Gòn - Phú Lý đã tiến hành nấu thử trong tháng 5/2010;

- Hoàn thành dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh, đã đưa vào vận hành trong tháng 4/2010;

- Dự án 6 Tank outdoor tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Củ Chi. Vừa qua, dự án Nhà máy Bia Sài Gòn – Củ Chi đã được vinh dự tôn vinh là Công trình đạt cúp vàng chất lượng.

b. Sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp:

- Tháng 5/2010, ban hành tuyên bố “Tầm nhìn, Sứ mạng, An toàn vệ sinh thực phẩm và Bảo vệ Môi trường, các giá trị cốt lõi và những nguyên tắc cơ bản”, tuy nhiên, việc triển khai đến từng Cán bộ - Công nhân viên chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

- Triển khai dự án áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008, ISO 14000 và HACCP tại Tổng công ty, hệ thống Công ty con, Công ty liên kết, dự kiến hoàn thành vào Quý 3/2011.

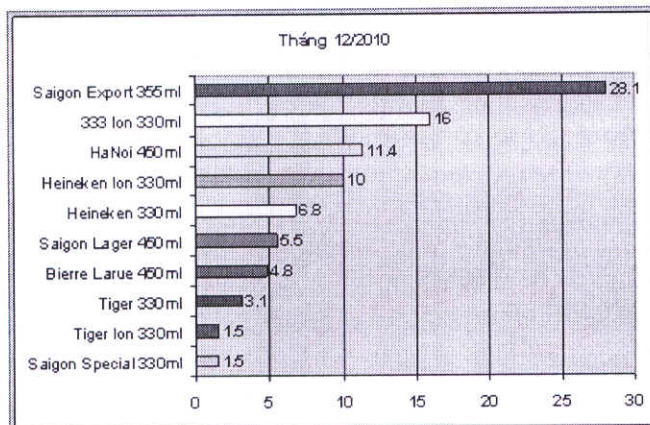
- Ban hành nhiều quy chế, quy định quan trọng để bộ máy vận hành theo đúng Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty cổ phần, đặc biệt là Quy chế Quản lý Tài chính.

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức; xây dựng các quy chế quản lý, điều hành; xác định rõ chức năng nhiệm vụ của các đơn vị; trách nhiệm quyền hạn của cán bộ quản lý để bảo đảm phân định rõ chức năng nhiệm vụ.

c. Phát triển thị trường:

Trong bối cảnh thị trường cạnh tranh gay gắt với nhiều thương hiệu nước ngoài được đầu tư phát triển tại thị trường Việt Nam, các hoạt động Marketing trong năm qua đã góp phần giữ vững và phát huy thế mạnh Thương hiệu SABECO. Số liệu thị phần Bia Sài Gòn tại 36 thành phố như sau:

Thị phần sản lượng 10 sản phẩm dẫn đầu tại Việt Nam

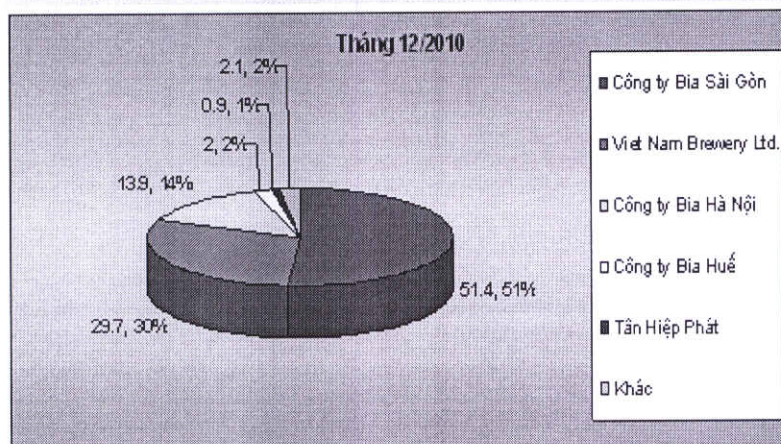


- Bia Saigon Export 355 (Sài Gòn Đỏ) và Bia lon 333 hai sản phẩm có sản lượng dẫn đầu thị trường Việt Nam.

- Trong đó, Saigon Export 355 chiếm 28.1% thị phần tại 36 Thành phố lớn và 42% tại Thị trường TP.HCM;

- Bia lon 333 chiếm 16% thị phần tại 36 Thành phố lớn và 20.2% tại Thị trường TP.HCM.

Thị phần sản lượng các nhà sản xuất Bia tại Việt Nam



– SABECO là đơn vị đứng đầu thị trường, chiếm 51.4% thị phần sản lượng các nhà sản xuất Bia tại Việt Nam.

Dữ liệu ngành hàng Bia tại 36 thành phố - Theo số liệu Dự án Nghiên cứu thị trường ngành hàng Bia – Nước giải khát năm 2010 của SABECO.

Một số hoạt động Marketing chính năm 2010 như sau:

– Tái tung hình ảnh Bia Sài Gòn tại khu vực Bắc, Bắc Trung bộ bằng sản phẩm Bia chai 333 trong tháng 6/2010, tuy nhiên kết quả thực hiện chưa đạt như mong muốn.

– Thực hiện Chương trình Khuyến mãi Bật nắp trúng thưởng sản phẩm Bia Saigon Lager tại Miền Bắc, Bắc Trung Bộ nhận được sự hưởng ứng tốt từ nhà phân phối và người tiêu dùng.

– Phối hợp cùng các đơn vị Nghiên cứu thị trường thực hiện nghiên cứu thị trường ngành hàng Bia – Nước giải khát tại thị trường Việt Nam và một số thị trường trọng điểm trong khu vực.

– Từng bước xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu, tái định vị nhãn sản phẩm, tổ chức lại hệ thống Marketing theo hướng chuyên nghiệp và chuyên sâu, đặc biệt quản lý các nhãn của từng sản phẩm riêng biệt. Nâng cao hiệu quả của các chương trình Marketing bằng hệ thống đánh giá khách quan và có thể lượng hóa.

d. Công tác xã hội, bảo vệ môi trường, chăm lo đời sống người lao động:

– Mức tiền lương bình quân năm 2010 là 17.58 triệu đồng/người/tháng, tăng 35% so với năm 2009.

– Triển khai thực hiện công tác xã hội trên phạm vi cả nước với các chương trình cộng đồng có ý nghĩa, mang thông điệp **“Chung tay vì Cộng đồng”**. Năm 2010, chỉ tính riêng tại Công ty mẹ đã vận động CB - CNV đóng góp được 6,6 tỷ đồng; trích quỹ chỉ khoảng 19 tỷ đồng tài trợ cho các chương trình vì mục đích cộng đồng trên toàn quốc.

– Đặc biệt quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường, đầu tư cho các khuôn viên, nhà xưởng sạch sẽ, thoáng mát với hệ thống công viên cây xanh, hệ thống hút bụi, lọc khí. Các nhà máy đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải, khí thải, rác thải phù hợp với quy trình sản xuất công nghệ hiện đại và thân thiện môi trường. Trong năm qua đã đưa dự án xử lý nước thải 1200 m³/ngày đêm tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Nguyễn Chí Thanh vào hoạt động.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2011.

1. Đánh giá thuận lợi, khó khăn trong năm 2011:

a. Thuận lợi:

- Hầu hết các dự án nâng cao năng lực sản xuất đã hoàn thành đưa vào hoạt động, nguồn cung hàng hóa được đảm bảo.
- Sản phẩm chủ lực được người tiêu dùng ưa chuộng, có thị trường ổn định.

b. Khó khăn:

Chỉ số lạm phát, giá tiêu dùng, giá nguyên vật liệu... tăng cao ảnh hưởng đến các chỉ tiêu về doanh số, doanh thu, lợi nhuận, tốc độ tăng trưởng của doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

- Tỷ giá ngoại tệ tăng 1,070đ/USD; 3,700đ/EUR;
- Giá nguyên liệu chính: Malt tăng 4000đ/kg, gạo tăng 1600đ/kg, vỏ lon tăng 300đ/lon, thùng giấy tăng 1700đ/cái;
- Giá điện tăng 300đ/kw; dầu FO tăng 3800đ/lít.

Giá cả các yếu tố đầu vào tăng cao dẫn đến tổng chi phí nguyên liệu trong giá thành sản phẩm tăng khoảng 22%.

Trong bối cảnh ngành hàng Bia & Đồ uống bị ảnh hưởng theo chiều hướng không tốt do người tiêu dùng cắt giảm chi tiêu, giảm lượng tiêu thụ, khả năng tăng trưởng tiêu thụ năm nay thấp hơn các năm trước (dự kiến tăng 5% so với thực hiện năm 2010), kế hoạch lợi nhuận năm 2011 Tổng công ty dự kiến đạt 2,675 tỷ, giảm 19% so với năm 2010.

2. Dự kiến Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2011:

a. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2011 tại Công ty mẹ.

- Sản lượng sản xuất (tự sản xuất) đạt 390 triệu lít, bằng 97% so với thực hiện năm 2010.
- Tổng doanh thu đạt 10,240 tỷ đồng tăng 6% so với thực hiện năm 2010;
- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 2,147 tỷ đồng bằng 80% so với thực hiện 2010;
- Tổng lợi nhuận sau thuế đạt 2,114 tỷ đồng bằng 82% so với thực hiện 2010;
- Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ đạt 33%;
- Thu nhập bình quân người lao động đạt 17.7 triệu đồng/người/tháng, bằng 101% so với năm 2010.

TT	Khoản mục	Đơn vị tính	TH 2010	KH 2011	KH/TH
1	Sản lượng sản xuất và tiêu thụ	Tr.lít	402.6	390	97%
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	9,664	10,240	106%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,672	2,147	80%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,593	2,114	82%
6	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	Tỷ đồng	40%	33%	82%
7	Thu nhập bình quân	Tr.đ/Ng/tháng	17.58	17.70	101%

Bảng 2: Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2011 tại Công ty Mẹ

3. Một số giải pháp chủ yếu:

a. Sản xuất:

- Cải tiến và nâng cao hệ thống quản lý chất lượng nguyên vật liệu đầu vào và sản phẩm tại các nơi sản xuất và tại Tổng công ty.
- Tăng cường công tác thực hành tiết kiệm trong sản xuất và quản lý. Thực hiện nghiêm túc chế độ bảo trì, hạn chế thời gian ngừng máy do sự cố.
- Thay đổi phương thức, đảm bảo chất lượng sản phẩm Bia chai 333 mới để tăng năng lực cạnh tranh đồng thời nghiên cứu đưa ra sản phẩm mới phục vụ cho xuất khẩu tại khu vực và nhu cầu trong nước. Nghiên cứu tăng Shelf – life sản phẩm Bia từ 3 tháng lên 6 tháng.
- Tiếp tục cải tiến công tác mua bán nguyên vật liệu cho sản xuất, đảm bảo đủ hàng, đảm bảo chất lượng và giá cả hợp lý. Tìm kiếm nguồn cung cấp nguyên liệu mới để đảm bảo an toàn cho sản xuất khi có biến động về mùa màng.

b. Tiêu thụ và Marketing:

- Đạt tốc độ tăng trưởng sản lượng tối thiểu 5% (1,15 tỷ lít) so với năm 2010.
- Tiếp tục thực hiện việc quảng bá hình ảnh Bia Sài Gòn tại khu vực phía Bắc bằng sản phẩm Bia chai 333 mới, Bia lon 333 và Bia Sài Gòn Special.
- Điều chỉnh dự án Bia chai 333 để gia tăng sản lượng tiêu thụ.
- Triển khai kế hoạch xây dựng thương hiệu đi cùng các hoạt động Marketing và Hỗ trợ bán hàng tại các thị trường xuất khẩu chính (Campuchia, Châu Á Thái Bình Dương ...).
- Đối với các sản phẩm đang trên đà suy giảm sản lượng như Bia Sigon Lager, Saigon Special: xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với diễn biến tình hình mới.
- Tiếp tục hoàn thiện và đổi mới hệ thống bán hàng và chính sách bán hàng, đầu tư xây dựng hệ thống kho bãi và phương tiện vận tải đủ để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trước mắt cũng như định hướng phát triển Bia Sài Gòn đến năm 2025.
- Tổ chức lại hệ thống Marketing theo hướng chuyên nghiệp và chuyên sâu, đặc biệt quản lý các nhãn của từng sản phẩm riêng biệt. Nâng cao hiệu quả của các chương trình Marketing bằng hệ thống đánh giá khách quan và có thể lượng hóa được.

c. Đầu tư xây dựng cơ bản nói chung:

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án đầu tư mới chuẩn bị cho năm 2011 để hoàn thành đưa vào khai thác, góp phần tăng giá trị sản xuất công nghiệp của Tổng công ty và tạo tiền đề cho phát triển các năm tiếp theo. Cụ thể:

- Dự án Nhà máy Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh công suất 50 triệu lít/năm dự kiến hoàn thành tháng 12/2011.
- Dự án Nhà máy Bia Sài Gòn – Ninh Thuận công suất 50 triệu lít/năm đang trong quá trình khảo sát xây dựng dự án. Dự kiến hoàn thành vào tháng 6/2012
- Dự án nâng công suất Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi lên 264 triệu lít dự kiến hoàn thành vào năm 2011.
- Dự án nhà máy bia Sài Gòn – Vĩnh Long công suất 200 triệu lít/năm, giai đoạn 1: 100 triệu lít/năm bắt đầu thực hiện từ năm 2011 đến năm 2014.

– Dự án đầu tư Nút phục vụ sản xuất, dự án xử lý nước cấp tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Nguyễn Chí Thanh.

Dự án đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng làm việc – khu trung tâm thương mại tại số 6 Hai Bà Trưng đã tổ chức thi tuyển kiến trúc quốc tế và đang trình UBND TP phê duyệt phương án trúng tuyển, hiện đang làm phương án lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu “lập dự án đầu tư, quản lý dự án”.

Tiếp tục xem lại quy hoạch phát triển ngành Bia, Rượu và Nước giải khát của Tổng công ty trong bối cảnh mới. Xây dựng chiến lược phát triển cho ngành Rượu và Nước giải khát còn đang yếu so với ngành Bia, tạo thế phát triển đồng bộ và vững chắc trong toàn hệ thống.

d. Sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp:

– Tiếp tục triển khai đề đưa “Tuyên bố Tâm nhìn, Sứ mạng, An toàn Vệ sinh Thực phẩm và Bảo vệ Môi trường, các giá trị cốt lõi và những nguyên tắc cơ bản” đến từng Cán bộ - Công nhân viên Tổng công ty .

– Triển khai Dự án Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế trên toàn Tổng công ty theo kế hoạch đề ra.

– Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, Quy hoạch, lựa chọn, đào tạo và tuyển dụng cán bộ quản lý và chuyên môn trẻ cho Tổng công ty để đảm bảo sự phát triển bền vững. Đây cũng là một trong ba trọng tâm mà Thủ tướng Chính phủ yêu cầu cho phát triển bền vững trong tương lai.

– Hoàn thiện việc xây dựng các quy định quản lý để đảm bảo Tổng công ty hoạt động đúng định hướng và làm cơ sở để Ban điều hành hoạt động, là cơ sở để giám sát và quản lý các hoạt động vì lợi ích của các cổ đông.

e. Các hoạt động khác:

– Tiếp tục đảm bảo, tăng cường công tác bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo hộ lao động, an ninh quốc phòng tại đơn vị.

– Thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ thiên tai với thông điệp “Chung tay vì cộng đồng” đã được thể hiện trong nhiều năm qua v.v...

Với ý thức trách nhiệm của một Thương hiệu Quốc gia được công nhận, SABECO đang nỗ lực tự thay đổi, không ngừng phát triển để luôn luôn là niềm tự hào của NGƯỜI VIỆT NAM, với Sứ mạng “*Phát triển ngành đồ uống Việt Nam ngang tầm thế giới...*”, nâng tầm vị thế Việt và vì sự phát triển chung của cả cộng đồng. /



NGUYỄN QUANG MINH

Số tham chiếu: 60876373/14634648

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn ("Tổng Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày từ trang 5 đến 55 (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính hợp nhất"). Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo kiểm toán ngày 26 tháng 4 năm 2010 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Ernst & Young Vietnam Ltd.
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Mai

Mai Việt Hùng Trần
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: D.0048/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 4 năm 2011

Lê Vũ Trường

Lê Vũ Trường
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: N.1588/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.612.755.956.645	5.736.986.194.790
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.530.125.874.272	3.079.380.290.853
111	1. Tiền		1.324.090.733.837	2.536.926.852.226
112	2. Các khoản tương đương tiền		206.035.140.435	542.453.438.627
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	2.435.392.257.181	1.113.330.940.162
121	1. Đầu tư ngắn hạn		2.435.392.257.181	1.113.330.940.162
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		635.009.124.443	572.622.171.310
131	1. Phải thu khách hàng	7	363.783.410.793	293.158.142.716
132	2. Trả trước cho người bán	8	159.077.353.172	157.068.213.360
135	3. Các khoản phải thu khác	9	121.976.778.621	147.579.994.164
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(9.828.418.143)	(25.184.178.930)
140	IV. Hàng tồn kho	10	919.303.238.679	786.906.707.297
141	1. Hàng tồn kho		942.541.619.445	822.211.821.256
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(23.238.380.766)	(35.305.113.959)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		92.925.462.070	184.746.085.168
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		18.663.892.721	13.470.916.300
152	2. Thuế Giá trị Gia tăng được khấu trừ		50.335.623.736	53.856.489.426
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.320.262.681	38.268.897.814
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	11	22.605.682.932	79.149.781.628

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		10.229.155.212.668	9.433.491.329.244
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		168.500.000	-
218	1. Phải thu dài hạn khác		168.500.000	-
220	II. Tài sản cố định		6.595.686.814.165	5.847.304.438.435
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	4.906.829.482.763	2.763.101.246.725
222	Nguyên giá		6.712.463.762.970	4.199.783.940.184
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.805.634.280.207)	(1.436.682.693.459)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	736.540.825	-
225	Nguyên giá		930.367.350	-
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(193.826.525)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	1.586.774.848.845	1.561.555.463.378
228	Nguyên giá		1.615.448.266.382	1.581.614.381.115
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(28.673.417.537)	(20.058.917.737)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	101.345.941.732	1.522.647.728.332
240	III. Bất động sản đầu tư	16	42.724.316.612	44.917.270.648
241	1. Nguyên giá		46.929.163.841	46.895.299.643
242	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(4.204.847.229)	(1.978.028.995)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	17	2.330.414.616.500	2.443.760.520.448
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	17.2	1.520.995.782.430	1.523.418.024.706
258	2. Đầu tư dài hạn khác		1.287.768.710.462	1.237.467.171.841
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(478.349.876.392)	(317.124.676.099)
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.200.048.822.632	1.097.509.099.713
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	18	1.184.097.530.914	1.081.350.659.242
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.3	11.542.534.630	6.304.555.383
268	3. Tài sản dài hạn khác		4.408.757.088	9.853.885.088
269	VI. Lợi thế thương mại	4	60.112.142.759	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		15.841.911.169.313	15.170.477.524.034

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		7.053.294.899.614	6.234.599.281.852
310	I. Nợ ngắn hạn		5.354.042.446.091	4.855.815.480.704
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	19	94.775.604.829	136.731.939.167
312	2. Phải trả người bán	20	1.036.459.621.553	787.781.279.836
313	3. Người mua trả tiền trước		17.475.370.506	10.319.932.566
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	669.483.669.329	705.535.947.387
315	5. Phải trả người lao động		164.106.695.821	97.026.989.969
316	6. Chi phí phải trả	22	332.621.712.187	231.797.754.579
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	23	2.914.153.638.604	2.850.248.980.738
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		124.966.133.262	36.372.656.462
330	II. Nợ dài hạn		1.699.252.453.523	1.378.783.801.148
333	1. Phải trả dài hạn khác	24	122.826.040.444	81.439.290.687
334	2. Vay và nợ dài hạn	25	1.573.042.507.274	1.296.488.935.608
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		3.383.905.805	855.574.853
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		7.836.940.428.988	7.951.206.914.159
410	I. Vốn chủ sở hữu	26	7.836.940.428.988	7.951.206.914.159
411	1. Vốn cổ phần		6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
414	2. Cổ phiếu ngân quỹ		(33.510.798.236)	(33.204.392.456)
416	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(244.978.531)	(12.735.473.875)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		93.482.301.106	52.534.188.415
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		248.476.169.485	102.845.228.242
419	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		17.587.554	2.481.778.182
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.115.908.287.610	1.426.473.725.651
439	C. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	27	951.675.840.711	984.671.328.023
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		15.841.911.169.313	15.170.477.524.034

30
GỐC
PH
- R
GIÁ
I G
P. HỒ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CÁC CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (đồng Việt Nam)	36.953.105.682	25.740.381.467
2. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược (đồng Việt Nam)	20.210.252.285	11.770.738.718
3. Nợ khó đòi đã xử lý (đồng Việt Nam)	3.177.377.289	1.235.019.181
4. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (US\$)	4.184.074	5.776.595
- Euro (EUR)	164.391	1.587.045

Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán trưởng

Ngày 21 tháng 4 năm 2011

Nguyễn Bá Thi
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	19.912.941.440.893	15.954.096.419.432
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	(2.560.216.481.256)	(3.141.240.976.473)
10	3. Doanh thu thuần	28.1	17.352.724.959.637	12.812.855.442.959
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29, 32	(13.065.831.888.770)	(9.953.954.475.360)
20	5. Lợi nhuận gộp		4.286.893.070.867	2.858.900.967.599
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	438.371.413.567	301.133.583.116
22	7. Chi phí tài chính	30	(350.665.692.576)	(461.215.234.310)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(93.104.903.985)	(49.108.981.399)
24	8. Chi phí bán hàng	32	(837.023.264.132)	(627.214.905.963)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	(235.787.752.487)	(231.357.354.402)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.301.787.775.239	1.840.247.056.040
31	11. Thu nhập khác	31	25.554.205.726	47.992.224.318
32	12. Chi phí khác	31	(33.094.615.647)	(21.316.350.588)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác	31	(7.540.409.921)	26.675.873.730
45	14. Phần lãi từ công ty liên kết, liên doanh		191.194.458.583	163.153.970.953
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.485.441.823.901	2.030.076.900.723
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.1	(859.711.279.541)	(320.143.387.798)
52	17. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	33.3	5.237.979.247	(9.208.317.281)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.630.968.523.607	1.700.725.195.644
61	Trong đó: 18.1. Lợi ích của các cổ đông thiểu số		202.143.404.323	92.323.636.722
62	18.2. Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ		2.428.825.119.284	1.608.401.558.922
70	19. Lãi trên mỗi cổ phiếu	34	3.790	2.510

Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán trưởng

Ngày 21 tháng 4 năm 2011



Nguyễn Bá Thị
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận trước thuế		3.485.441.823.901	2.030.076.900.723
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ	32	390.450.373.627	589.252.642.349
03	Các khoản dự phòng		139.332.423.615	318.745.828.357
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	28.2	(6.150.505.685)	(37.435.712)
05	Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư và mua thêm lợi ích cổ đông thiểu số		(272.852.536.082)	(182.777.238.540)
05	Lãi từ công ty liên kết, liên doanh	17.2	(191.194.458.583)	(163.153.970.953)
05	Thu nhập cổ tức	28.2	(131.062.427.780)	(34.082.565.925)
05	(Lãi) lỗ từ thanh lý tài sản cố định		(536.487.074)	5.708.875.123
06	Chi phí lãi vay	30	93.104.903.985	49.108.981.399
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.506.533.109.924	2.612.842.016.821
09	Giảm các khoản phải thu		26.650.269.915	444.700.954.114
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(123.331.184.539)	174.808.142.668
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(916.330.602.391)	184.584.509.342
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(106.473.829.881)	96.546.874.011
13	Tiền lãi vay đã trả		(53.197.510.907)	(49.701.443.819)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	33.2	(816.817.252.522)	(131.204.299.686)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(96.007.770.216)	(86.018.167.412)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.421.025.229.383	3.246.558.586.039



BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.037.607.928.060)	(2.214.147.594.006)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.202.818.183	636.318.152
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(1.358.516.278.019)	(610.489.725.616)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		62.000.000.000	101.105.426.250
25	Tiền chi đầu tư dài hạn vào cổ phiếu		(133.915.308.716)	(77.412.755.225)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		38.991.136.000	8.398.500.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		404.502.412.996	256.672.675.672
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(2.023.343.147.616)	(2.535.237.154.773)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Nhận vốn góp của các cổ đông thiểu số		28.886.730.000	1.020.000.000
32	Tiền mua lại cổ phiếu của các doanh nghiệp đã phát hành		(120.000.000)	-
33	Tiền vay đã nhận		843.779.769.828	1.384.481.736.369
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(609.182.532.500)	(380.337.586.799)
35	Tiền chi trả nợ thuế tài chính		(545.454.545)	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(1.209.802.053.239)	(424.475.776.857)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(946.983.540.456)	580.688.372.713
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.549.301.458.689)	1.292.009.803.979
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	5	3.079.380.290.853	1.787.333.051.162
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi tiền tệ		47.042.108	37.435.712
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	1.530.125.874.272	3.079.380.290.853

Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán trưởng

Ngày 21 tháng 4 năm 2011



Nguyễn Bá Thi
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NGK SÀI GÒN (SABECO)

Số 6 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3829 4081

Fax: (08) 3829 6856

Website: www.sabeco.com.vn

Email: sabeco@sabeco.com.vn

GCN ĐKKD số: 4103010027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp ngày 17/04/2008.

Số: 150/2011/BC-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 6 năm 2011

BÁO CÁO

CÔNG TÁC QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO VÀ GIÁM SÁT NĂM 2010

CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ SABECO

I. TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010 CỦA SABECO

Năm 2010 tình hình kinh tế thế giới và trong nước có những diễn biến phức tạp, vẫn chưa thoát khỏi suy thoái; tuy nhiên, kinh tế Việt Nam đã đạt được những kết quả tích cực trên nhiều lĩnh vực, tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6,78%. Bên cạnh những thành công, kinh tế Việt Nam năm 2010 vẫn gặp những khó khăn đáng kể, đặc biệt là việc tình hình lạm phát có những diễn biến phức tạp, chỉ số giá tiêu dùng vượt lên 2 con số, lãi suất ngân hàng tăng cao... đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị SABECO đã khắc phục khó khăn, chủ động đề ra các chủ trương, Nghị quyết để quản lý, giám sát và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010.

Chi tiết tại Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2010 của Tổng công ty.

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO VÀ GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2010

Trong năm 2010 Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn đã tiến hành họp 06 (sáu) lần, đã gửi 32 (ba mươi hai) phiếu lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị và đã ban hành 38 (ba mươi tám) Nghị quyết để quản lý, chỉ đạo và giám sát các mặt hoạt động của Tổng công ty thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

1. Kết quả quản lý, chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2010

1.1. Kết quả SXKD hợp nhất (Công ty mẹ và các công ty con):



TT	Khoản mục	Đvt	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	TH / KH 2010
1	Giá trị SXCN	Tỷ đồng	5,626	6,161	110%
2	Sản lượng sản xuất Bia	Tr.lít	1,000	1,100	110%
3	Sản phẩm sản xuất NGK	Ngàn lít	40,500	40,977	101%
4	Sản phẩm sản xuất rượu	Ngàn lít	2,810	2,248	80%
5	Sản phẩm sản xuất cồn	Ngàn lít	5,200	4,687	90%
6	Sản lượng tiêu thụ Bia	Tr.lít	1,000	1,095	110%
7	Sản phẩm tiêu thụ NGK	Ngàn lít	40,500	40,725	101%
8	Sản phẩm tiêu thụ rượu	Ngàn lít	3,010	1,863	62%
9	Sản phẩm tiêu thụ cồn	Ngàn lít	5,050	4,441	88%
10	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	15,969	19,913	125%
11	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	2,489	4,927	198%
12	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,446	3,485	142%
13	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1,995	2,630	132%

1.2. Kết quả SXKD tại Công ty mẹ

TT	Khoản mục	Đvt	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	TH/KH
1	SL sản xuất và tiêu thụ Bia	Tr. lít	391.7	402.6	103%
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	8,226	9,664	115%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,447	2,672	109%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1,995	2,593	130%
6	Tỷ suất lợi nhuận/vốn điều lệ		31%	40%	130%
7	Thu nhập BQ(Tr. đ/tháng)	Tr. đồng	15.66	17.58	112%

(*) Hội đồng quản trị đã tạm ứng cổ tức 20% theo kế hoạch và dự kiến trình Đại hội thông qua việc chia thêm 10% nữa (tổng cộng là 30%).

2. Công tác giám sát của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã thực hiện công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác theo quy định nhằm đảm bảo hoạt động của Tổng Công ty tuân thủ theo đúng pháp luật, triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị đã cử các thành viên, các chuyên viên thuộc cơ quan tham mưu tham dự các cuộc họp định kỳ, họp chuyên đề của Ban điều hành; tham gia các tổ thẩm tra, thẩm định để đóng góp ý kiến với Ban điều hành; chuẩn bị các ý kiến tham mưu cho Hội đồng quản trị và giúp Hội đồng quản trị thực hiện chức năng, giám sát quá trình thực hiện.

Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị đã thực hiện chức năng quản lý, kiểm tra, giám sát Tổng giám đốc và cơ quan điều hành Tổng công ty theo quy định của điều lệ. Thông qua đó, Hội đồng quản trị đã có những đánh giá trong các phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản trị để góp ý, chấn chỉnh nhằm từng bước hoàn thiện công tác điều hành của Ban điều hành Tổng công ty. Từ đó, hoạt động của Ban điều hành Tổng công ty đã từng bước khắc phục những tồn tại và đạt được kết quả như báo cáo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty năm 2010 đã nêu.

3. Một số tồn tại trong công tác quản lý, chỉ đạo và giám sát của Hội đồng quản trị

Ngoài những kết quả đạt được, do những nguyên nhân khách quan và chủ quan vẫn còn một số tồn tại, như:

- Công tác quy hoạch, đào tạo, đánh giá, bố trí cán bộ chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của Tổng công ty;
- Một số quy chế, quy định phục vụ cho công tác quản lý, điều hành trong Tổng công ty chậm được ban hành, như: Quy chế về mối quan hệ giữa Công ty mẹ - công ty con trong hệ thống của SABECO; Quy chế kiểm tra, giám sát Người đại diện vốn của SABECO tại doanh nghiệp khác,...
- Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện một số Nghị quyết của Hội đồng quản trị chưa được thường xuyên của các thành viên Hội đồng quản trị và cơ quan tham mưu, giúp việc của Hội đồng quản trị.

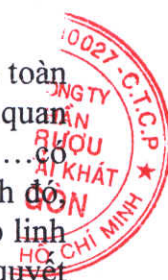
III. CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2011

Năm 2011, trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động phức tạp, nền kinh tế toàn cầu chưa thoát khỏi khủng hoảng; Nhà nước áp dụng nhiều chính sách kinh tế vĩ mô quan trọng như: điều chỉnh tăng tỉ giá ngoại tệ, tăng giá xăng dầu, điện, kéo theo lạm phát ... có tác động rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị sẽ chủ động khắc phục khó khăn, đưa ra các chủ trương, biện pháp linh hoạt, kịp thời để quản lý, chỉ đạo và giám sát Ban điều hành thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Trong năm 2011, Hội đồng quản trị sẽ tập trung chỉ đạo Ban điều hành và các cơ quan chuyên môn xây dựng, trình Hội đồng quản trị phê duyệt, ban hành và giám sát việc thực hiện các vấn đề trọng tâm sau:

1. Chỉ đạo, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2011 và các dự án đầu tư đã phê duyệt, đang triển khai thực hiện nhằm bảo đảm tính hiệu quả.

2. Rà soát, đánh giá từng bước hoàn thiện bộ máy quản lý, điều hành của Tổng công ty; bao gồm: tổ chức bộ máy, nhân sự, quy chế, quy định để thực hiện. Xây dựng chiến lược về nhân sự; trong đó, ưu tiên đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành, cán bộ kỹ thuật có trình độ cao...



3. Tiếp tục hoàn thiện chiến lược thị trường, thương hiệu, chính sách tiêu thụ và phát triển hệ thống phân phối, vận chuyển phù hợp với tình hình “cung lớn hơn cầu” đối với thị trường trong nước, xây dựng chiến lược và chính sách xuất khẩu phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng công ty.

4. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống quản lý, kiểm soát chi phí sản xuất, chất lượng sản phẩm, quy trình công nghệ sản xuất Bia, áp dụng các tiêu chuẩn ISO, HACCP, An toàn vệ sinh thực phẩm, An toàn lao động và bảo vệ môi trường.

5. Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại các khoản đầu tư tài chính để tập trung nguồn vốn đầu tư phát triển ngành kinh doanh chính của Tổng công ty; thực hiện chủ trương thống nhất tập trung đầu mỗi ngân hàng theo chủ trương của Hội đồng quản trị; phân tích, đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh, phân tích việc sử dụng vốn, dòng tiền,... để sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn vốn, dòng tiền của Tổng công ty.

6. Xây dựng cơ quan tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị đủ điều kiện, năng lực tham mưu, giúp Hội đồng quản trị thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ, Luật Doanh nghiệp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông giao.

Trên đây là báo cáo về hoạt động quản lý, chỉ đạo và giám sát của Hội đồng quản trị Tổng công ty trong năm 2010 và chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2011 trình Đại hội đồng cổ đông.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn về sự quan tâm giúp đỡ của các cơ quan, ban ngành trung ương, của Bộ Công Thương, của lãnh đạo Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương; sự tin cậy ủng hộ của các cổ đông, các nhà đầu tư, đồng thời, xin trân trọng cảm ơn CBCNV Tổng công ty đã góp phần quan trọng vào sự phát triển của SABECO.

Kính đề nghị Quý cổ đông, đóng góp ý kiến giúp Hội đồng quản trị hoàn thiện công tác quản lý, chỉ đạo và giám sát của mình để năm 2011 SABECO sẽ đạt được những thành công hơn nữa.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Bá Thi



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 05 năm 2011

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011)

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn.
- Căn cứ tình hình hoạt động của Tổng công ty cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo quản trị điều hành và Kết quả Hoạt động của Ban kiểm soát trong thời gian qua.

Ban Kiểm soát xin trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo hoạt động của BKS, kết quả thẩm định báo cáo tài chính và đánh giá về hoạt động của Công ty năm 2010 như sau.

Phần I. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Năm 2010 Ban Kiểm soát tiến hành thực hiện nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Sabeco, cụ thể:

- Tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp giao ban điều hành định kỳ của Tổng giám đốc, qua đó nắm bắt kịp thời thông tin về tình hình quản trị điều hành, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Ban Kiểm soát kịp thời có ý kiến góp ý về phương hướng hoạt động, về việc chấp hành luật pháp, chấp hành nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như Nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Thường xuyên theo dõi, rà soát xem xét tính hợp lý hợp pháp của việc ban hành Nghị quyết của HĐQT kể cả những nghị quyết gửi phiếu lấy ý kiến các thành viên HĐQT, nhằm bảo đảm sự hợp lý, đúng đắn và vì quyền lợi của Sabeco.
- Chú trọng tổ chức thu thập thông tin và kiểm tra xác minh thông tin một cách cẩn trọng, phân tích đánh giá kỹ lưỡng bảo đảm tính xác thực, có ý kiến góp ý, gửi văn bản cho lãnh đạo hoặc những cá nhân có trách nhiệm của Sabeco. Sẵn sàng cảnh báo những sai trái, không phù hợp pháp luật hoặc tiềm ẩn nhiều rủi ro.
- Tham gia giám sát chặt chẽ việc thực hiện chế độ lương thưởng, các chế độ chính sách khác đối với người lao động, bảo đảm đúng quy định, công bằng để người lao động yên tâm làm việc ổn định sản xuất kinh doanh.
- Hàng quý tổ chức họp BKS soát xét báo cáo tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý trước, thống nhất nhận định đánh giá và xác định trọng tâm nhiệm vụ kiểm soát quý sau.

Phần II. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2010.

Trên cơ sở soát xét báo cáo tài chính năm, đã thống nhất tại cuộc họp BKS ngày 25/05/2011. Ban Kiểm soát nhất trí các số liệu trong báo cáo tài chính 2010 đã được Kiểm toán. Dưới đây xin trình bày tóm tắt một vài chỉ tiêu chính:

CÁC SỐ LIỆU TÀI CHÍNH TÓM TẮT
Năm tài chính kết thúc 31/12/2010

Đơn vị: Đồng Việt Nam

	CÁC CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU BÁO CÁO CÔNG TY MẸ	SỐ LIỆU BÁO CÁO HỢP NHẤT
1.1	Tổng tài sản :	11.182.054.199.791	15.841.911.169.313
	<i>Tài sản ngắn hạn:</i>	3.492.406.342.678	5.612.755.956.645
	Trong đó: - Tiền và tương đương tiền	161.560.896.749	1.530.125.874.272
	- Đầu tư ngắn hạn	2.147.153.193.575	2.435.392.257.181
	- Phải thu ngắn hạn	926.412.352.759	635.009.124.443
	- Tồn kho	229.587.495.931	919.303.238.679
	- Tài sản ngắn hạn khác	27.692.403.664	92.925.462.070
	<i>Tài sản dài hạn</i>	7.689.647.857.113	10.229.155.212.668
	Trong đó: - Tài sản cố định	3.154.327.491.116	6.595.686.814.165
	- Bất động sản đầu tư		42.724.316.612
	- Đầu tư tài chính dài hạn	3.898.312.772.438	2.330.414.616.500
	- Tài sản dài hạn khác	637.007.593.559	1.200.048.822.632
	<i>Lợi thế thương mại</i>		60.112.142.759
1.2	Nợ phải trả	3.786.866.375.641	7.053.294.899.614
	Trong đó: Nợ ngắn hạn	3.733.977.052.776	5.354.042.446.091
	Nợ dài hạn	52.889.322.865	1.699.252.453.523
1.3	Vốn chủ sở hữu	7.395.187.824.150	7.836.940.428.988
	Tr.đó: Vốn điều lệ	6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
	Cổ phiếu quỹ	-	(33.510.798.236)
	Chênh lệch tỷ giá	-	(244.978.531)
	Quỹ đầu tư phát triển	-	93.482.301.106
	Quỹ dự phòng tài chính	191.230.503.662	248.476.169.485
	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	17.587.554
	Lợi nhuận chưa phân phối	791.145.460.488	1.115.908.287.610
1.4	Lợi ích cổ đông thiểu số		951.675.840.711

1.5 KẾT QUẢ KINH DOANH.		
Doanh thu bán hàng thuần	5.622.120.233.854	17.352.724.959.637
Giá vốn hàng bán	4.871.993.808.315	13.065.831.888.770
Lợi nhuận gộp	750.126.425.539	4.286.893.070.867
Doanh thu hoạt động tài chính:	2.438.907.279.135	438.371.413.567
Trong đó :Doanh thu từ đầu tư		
Chi phí tài chính	259.236.457.391	350.665.692.567
Trong đó: Chi phí trích lập dự phòng Đ. tư tài chính.		
Chi phí bán hàng	194.723.806.540	837.023.264.132
Chi phí quản lý	58.829.644.348	23.578.7752.487
Lợi nhuận thuần từ kinh doanh	2.676.243.796.395	3.301.787.775.239
Thu nhập khác	10.102.545.826	25.554.205.726
Chi phí khác	14.328.608.984	33.094.615.647
Lãi/lỗ trong công ty Liên kết liên doanh	-	191.194.458.583
Thu nhập trước thuế	2.672.017.733.237	3.485.441.823.901
Thu nhập sau thuế	2.592.856.398.951	2.630.968.523.607
Trong đó: Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	202.143.404.323
Lợi ích thuộc về cổ đông sabeco	2.592.856.398.951	2.428.825.119.284

(Số liệu đầy đủ chi tiết xin quý vị cổ đông tham khảo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Ernst & Young).

Công ty TNHH Ernst & Young (gọi tắt là Công ty Kiểm toán E&Y) đã nhận xét rằng báo cáo tài chính của Sabeco (kể cả báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn) đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2010.

Chúng tôi hài lòng về tính đầy đủ, rõ ràng, hợp lý, minh bạch của số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính kiểm toán, thực hiện bởi E & Y, mặc dù là năm đầu Công ty E & Y thực hiện kiểm toán cho Sabeco.

Kết quả kinh doanh của toàn Tổng công ty phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2010 cho thấy kết quả kinh doanh tốt. So với năm 2009: doanh thu thuần tăng 35%, lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 71%, lợi nhuận thuần của cổ đông Sabeco đạt 2.428,8 tỷ đồng, tăng 51% (EPS : 3.790đ/cp). Lợi nhuận thuần 2010 vượt 21,7 % kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tình hình tài chính của Sabeco phạm vi toàn Tổng công ty nhìn chung là khả quan, bảo đảm các cân đối tài chính cơ bản. Tài chính của Công ty mẹ đã được cải thiện tốt, hệ số thanh toán nợ ngắn hạn tại 31/12/2010 ($h = 0,92$) tốt hơn năm 2009 ($h = 0.83$).

Phần III. ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH:

1. HĐQT đã tiến hành một số phiên họp định kỳ, thông qua các nghị quyết, quyết định làm cơ sở cho điều hành Tổng công ty. Đã ban hành được quy chế quản lý tài chính, thành lập văn phòng HĐQT thay thế các tiểu ban của HĐQT nhằm giúp việc cho HĐQT. Trong năm HĐQT đã tổ chức 06 cuộc họp, ngoài ra ban hành 32 Nghị quyết dưới hình thức gửi văn bản lấy ý kiến các thành viên.
2. Đã thành lập được phòng kiểm toán nội bộ trực, thuộc HĐQT, tuyển dụng nhân viên đi vào hoạt động.
3. Ban điều hành thực thi nghiêm túc các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, tuân thủ quy chế, quy định nội bộ.
4. Các Nhà máy Bia Sài Gòn Sông Lam, Nhà máy Bia Sài Gòn Quảng Ngãi, Nhà máy Bia Sài Gòn Phú lý, Nhà máy bia Sài Gòn Phú thọ... được đầu tư mới hoàn toàn, đã lần lượt đi vào hoạt động trong năm 2010, bảo đảm nguồn cung sản phẩm chủ động cho nhu cầu của thị trường. Công tác điều hành hoạt động sản xuất năm qua của các Nhà máy cơ bản tốt, ổn định, người lao động yên tâm với công việc, góp phần tăng đáng kể nguồn thu cho ngân sách Nhà nước tại địa phương.
5. Công tác tiêu thụ bán hàng của Tổng công ty tiếp tục hoàn thành tốt nhiệm vụ. Kết quả là hoàn thành kế hoạch sản lượng tiêu thụ 1 tỷ lít bia trước thời hạn một tháng, tổng sản lượng tiêu thụ tiếp tục tăng trưởng 2 con số.
6. Công tác đầu tư Xây dựng cơ bản tiếp tục chú trọng không những tạo ra một năng lực sản xuất dồi dào, ổn định mà còn hoàn thành cơ bản việc hiện đại hóa thiết bị công nghệ cho ngành sản xuất bia, một yếu tố bảo đảm chất lượng sản phẩm ổn định đáp ứng yêu cầu ngày càng khó tính của khách hàng, hỗ trợ đắc lực cho quảng bá thương hiệu Bia Sài Gòn và tăng trưởng thị phần tiêu thụ trong phạm vi cả nước.
7. Tổng công ty cơ bản chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư XD CB, chấp hành đầy đủ trình tự thủ tục về đầu tư, tuân thủ thực hiện luật đấu thầu và công tác thanh quyết toán vốn đầu tư.

Bên cạnh ưu điểm nói trên, chúng tôi xin góp ý một số điểm:

1. Tổng công ty đã trải qua 03 năm hoạt động sau cổ phần hóa, nhưng chưa tiến hành tái cấu trúc công ty theo hướng hoàn thiện mô hình quản trị của một đơn vị hiện đại.
2. Nên có chiến lược dài hạn để Tổng công ty luôn chủ động trong cạnh tranh, phát triển đúng hướng, bền vững... và gia tăng lợi nhuận.
3. Cần sớm đánh giá lại quy hoạch của ngành Bia trong phạm vi Sabeco về mặt tổng cầu của thị trường để xác định cân đối cung cầu chung, về mặt lượng cầu khu vực để xác định cung phù hợp theo địa phương vùng miền. Quá nhiều Nhà máy nhỏ ở các địa phương cũng là điều khó kiểm soát ổn định chất lượng sản phẩm. Các Nhà máy Hà Tĩnh, Ninh Thuận bắt đầu triển khai nhưng đang ở giai đoạn khó khăn, chi phí đầu tư tăng cao do lạm phát, lãi suất vay quá cao. Mặt khác, lượng cung đã đủ lớn ...

Tổng công ty cần cân nhắc kỹ lưỡng mọi mặt, nên chẳng tạm dừng, để tránh lãng phí thiệt hại.

4. Cần xây dựng cơ chế quản lý có hiệu quả nguồn vốn, đặc biệt các khoản đầu tư vốn ra ngoài, các công ty trực thuộc.
5. Cần sớm có giải pháp thích hợp để triển khai các dự án đầu tư nơi các lô đất đắc địa mà Tổng công ty đang quản lý.
6. Cần sớm chỉ đạo sát nhập các công ty trực thuộc cùng ngành nghề trên cùng địa phương để tinh giảm bộ máy, tiết kiệm chi phí, tăng hiệu quả hoạt động SXKD.
7. Tình hình quản lý kiểm soát và thu hồi nợ của Tổng công ty còn có vấn đề mà chưa được khắc phục. Nhiều khoản công nợ tồn đọng nhiều năm, nay đang trở thành những khoản rác trên sổ sách. HĐQT cần chú ý những khuyến cáo đã ghi trong “Thư quản lý” sau kiểm toán 2011 của công ty kiểm toán Ernst & Young.

Kiến nghị:

1. Cần xúc tiến kế hoạch triển khai việc niêm yết cổ phiếu Sabeco trên sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (Hose) (tất nhiên là ở thời điểm thích hợp) nhằm minh bạch hóa thông tin, nâng cao chất lượng quản trị điều hành, thúc đẩy quá trình tái cấu trúc và chuyên nghiệp hóa hệ thống quản trị điều hành công ty. Mặt khác thông qua thị trường chứng khoán Tổng công ty có thể dễ dàng thực hiện thoái vốn Nhà nước đáp ứng yêu cầu của Chính phủ. Tổng công ty cũng sẽ chọn được Nhà đầu tư chiến lược thông qua quá trình này nếu chúng ta thấy thực sự cần có Nhà đầu tư chiến lược.
2. Cần rà soát chỉnh sửa điều lệ cho phù hợp với đặc điểm, quy mô của Sabeco, khắc phục những điểm bất hợp lý và mâu thuẫn mà nhiều cuộc họp nội bộ đã đề cập, hoàn thiện hành lang pháp lý để vận hành. Nhanh chóng ban hành tiếp những quy chế quan trọng cần thiết (quy chế quản lý giám sát các công ty con, công ty liên doanh liên kết, quy chế quản lý người đại diện vốn của Sabeco đầu tư...), để có cơ sở pháp lý điều hành thống nhất cũng như cơ sở để giám sát. Đồng thời nhanh chóng rà soát, điều chỉnh lại nội dung những văn bản đã ban hành nhưng chưa phù hợp hoặc chưa thống nhất giữa các văn bản với nhau.
3. Cần chú trọng xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ tại Tổng công ty, bảo đảm sự kiểm soát tốt nguồn lực, sử dụng vốn có hiệu quả, tuân thủ Pháp luật, nghị quyết HĐQT, quy chế quy định.
4. Kiến nghị cho Ban Kiểm soát tuyển dụng từ 2 đến 3 chuyên viên giúp việc Ban Kiểm soát, mức lương chuyên viên BKS do Trưởng Ban Kiểm soát đề nghị theo chế độ lương như chuyên viên HĐQT.



Phần IV. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BKS 2011

Căn cứ nhiệm vụ mục tiêu năm 2011 đã được Đại hội đồng cổ đông thảo luận biểu quyết thông qua, chúng tôi xây dựng kế hoạch cho công tác kiểm soát năm 2011, cụ thể:

1. Giám sát và đánh giá tình hình thực Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2011.

2. Kiểm tra giám sát việc ban hành các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với Điều lệ Tổng công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và phù hợp với qui định của Pháp luật.
3. Tiếp tục rà soát các quy định nội bộ hiện hành của Tổng công ty để kiến nghị HĐQT điều chỉnh cho phù hợp cơ chế vận hành mới và các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
4. Phối hợp hỗ trợ cùng Phòng Kiểm toán nội bộ, tổ chức thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động của các đơn vị của Tổng công ty và các công ty con theo đúng các qui trình, qui phạm quy định.

Chúc đại hội thành công tốt đẹp.

Xin cảm ơn.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban



Đồng Việt Trung

Số: 152/2011/TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 6 năm 2011

TỜ TRÌNH

V/v: Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2011

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Sau khi tổng hợp báo cáo của Ban điều hành Tổng công ty về kết quả SXKD năm 2010 và Kế hoạch SXKD năm 2011, Bộ phận quản lý vốn Nhà nước tại SABECO (BPQLVNN) kính trình Đại hội đồng cổ đông các chỉ tiêu SXKD chủ yếu năm 2011 như sau:

TT	CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	ĐVT	THỰC HIỆN 2010	KẾ HOẠCH 2011	KH2011/TH2010
1	Giá trị SX Công nghiệp	Tr.đồng	3,688,699	3,559,894	97%
2	Sản lượng sản xuất	Ngàn lít	402,613	390,000	97%
3	Sản lượng tiêu thụ	Ngàn lít	1,095,810	1,150,000	105%
4	Tổng doanh thu	Tr.đồng	19,604,586	21,316,177	109%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	2,248,772	2,146,788	95%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	2,169,611	2,114,155	97%
7	Nộp ngân sách	Tr.đồng	2,795,122	2,681,512	96%

(*) Đính kèm Kế hoạch các chỉ tiêu cơ bản năm 2011.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận :

- Như trên;
- TV HĐQT;
- Lưu VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bá Thi

QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NGK SÀI GÒN (SABECO)

Số 6 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3829 4081

Fax: (08) 3829 6856

Website: www.sabeco.com.vn

Email: sabeco@sabeco.com.vn

GCN ĐKKD số: 4103010027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp ngày 17/04/2008.

KẾ HOẠCH CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN NĂM 2011

Công ty mẹ và Công ty 100% vốn

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010		Kế hoạch Năm 2011	So sánh	
			Kế hoạch	Thực hiện		TH 2010/K H 2010	KH 2011/ TH 2010
I	Các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh						
1	Giá trị sản xuất công nghiệp	Triệu đồng	3,584,473	3,688,699	3,559,894	103%	97%
2	Sản lượng sản xuất	Ngàn lít	391,700	402,613	390,000	103%	97%
3	Sản lượng tiêu thụ	Ngàn lít	1,000,000	1,095,810	1,150,000	110%	105%
4	Tổng doanh thu và thu nhập	Triệu đồng	16,723,370	19,604,586	21,316,177	117%	109%
	- Doanh thu kinh doanh chính	"	13,690,193	15,315,704	16,352,190	112%	107%
	- Doanh thu tài chính	"	423,060	1,033,281	577,076	244%	56%
	- Doanh thu khác	"	2,610,117	3,255,601	4,386,912	125%	135%
5	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	"	2,446,726	3,284,929	2,674,667	134%	81%
	- Hoạt động chính	"	2,017,327	2,454,437	2,086,572	122%	85%
	- Hoạt động khác	"	16,504	57,217	48,148	347%	84%
	- Hoạt động tài chính	"	412,894	773,276	539,947	187%	70%
6	Tổng số thuế và các khoản phải nộp NSNN	"	2,406,339	2,795,122	2,681,512	116%	96%
	1. Thuế giá trị gia tăng	"	424,546	446,447	579,166	105%	130%
	2. Thuế tiêu thụ đặc biệt	"	1,528,413	1,594,030	1,541,834	104%	97%
	3. Thuế thu nhập doanh nghiệp	"	453,380	692,073	560,512	153%	81%

Đ. T. B. N. S. 1. 2. 3. 4. 5. 6. 7. 8. 9. 10. 11. 12. 13. 14. 15. 16. 17. 18. 19. 20. 21. 22. 23. 24. 25. 26. 27. 28. 29. 30. 31. 32. 33. 34. 35. 36. 37. 38. 39. 40. 41. 42. 43. 44. 45. 46. 47. 48. 49. 50. 51. 52. 53. 54. 55. 56. 57. 58. 59. 60. 61. 62. 63. 64. 65. 66. 67. 68. 69. 70. 71. 72. 73. 74. 75. 76. 77. 78. 79. 80. 81. 82. 83. 84. 85. 86. 87. 88. 89. 90. 91. 92. 93. 94. 95. 96. 97. 98. 99. 100.

	4. Thuế khác	"	0	62,571			0%
II	Đầu tư và mua sắm tài sản cố định	"	471,531	106,719	1,802,637	23%	1689%
1	Đầu tư xây dựng cơ bản	"	451,531	93,872	1,275,889	21%	1359%
2	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện quản lý	"	20,000	10,347	34,748	52%	336%
3	Đầu tư vào doanh nghiệp khác	"	-	2,500	492,000		
III	Lao động và tiền lương						
1	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	248,247	266,859	284,254	107%	107%
2	Tổng lao động	Lao động	1,440	1,306	1,393	91%	107%
3	Thu nhập bình quân người lao động	Trđ/Ng/tháng	14.37	17.03	17.00	119%	100%
IV	Chỉ tiêu tài chính						
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	6,412,811	6,412,811	6,412,811	100%	100%
2	Lợi nhuận sau thuế	"	1,993,346	2,592,856	2,114,155	130%	82%
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ	%	31%	40%	33%	130%	82%

Giải trình các yếu tố làm giảm lợi nhuận năm 2011

Năm 2010 tổng lợi nhuận đạt 3.284 tỷ trong đó lợi nhuận năm 2009 là 423 tỷ như vậy lợi nhuận thực phát sinh năm 2010 là 2.861 tỷ.

Năm 2011 trước biến động giá cả nguyên liệu đầu vào tăng, tỉ giá ngoại tệ tăng, mặc dù sản lượng sản xuất và tiêu thụ của Tổng công ty năm 2011 là 1,15 tỷ lít bia tăng 5% so với sản lượng tiêu thụ năm trước, cũng như doanh thu năm 2011 là 21,4 ngàn tỷ tăng 9%, lợi nhuận kế hoạch năm 2011 đạt 2.674 tỷ đồng (giảm 6,5% so với lợi nhuận thực hiện năm 2010) chủ yếu :

- Ngoài việc xây dựng phát triển thương hiệu Sabeco - một doanh nghiệp có tiềm lực vững chắc trong tình hình kinh tế thị trường nhiều biến động của nước ta cũng như toàn thế giới, đồng thời thực hiện nhiệm vụ bình ổn giá thị trường theo chủ trương của Chính phủ, giá sản phẩm bia không tăng từ năm 2008 đến nay, chính vì vậy lợi nhuận kế hoạch năm 2011 phải giảm.

- Giá các nguyên liệu chính chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm như malt, gạo, lon nhôm giá cả đều tăng hơn năm trước, cụ thể:

+ **Malt** giá bình quân năm 2010 là 463USD/tấn, giá kế hoạch năm 2011 là 653,6 USD/Tấn, tăng 190 USD/Tấn (với tỷ giá bình quân năm 2010 là 19.017 VN/USD năm 2011 tăng 1.863 đồng tương đương 20.880 VN/USD) làm lợi nhuận giảm 160 tỷ đồng.

+ **Gạo** tăng 1.566 VNĐ/tấn làm tổng chi phí tăng thêm khoảng 27 tỷ.

+ **Lon nhôm** tăng 6,7 USD/1000 lon tương ứng tăng 273 đồng/lon nên lợi nhuận giảm 43 tỷ.

+ **Dầu** tăng 3.720 đồng /lít lợi nhuận giảm 40 tỷ

- Theo tính toán chi phí sản xuất bình quân/ lít sản phẩm năm 2011 đã tăng 846 đồng/lít so năm 2010, tổng chi phí sản xuất tăng thêm 329,900 tỷ đồng. Ngoài ra việc kinh doanh trong tình hình lạm phát như hiện nay cùng với sự ra đời của những sản phẩm cao cấp đang có xu hướng tăng trưởng cao, Tổng công ty phải thực hiện các chính sách bán hàng thông qua các chương trình như : Hỗ trợ thương mại, Thay đổi diện mạo nâng cấp chất lượng sản phẩm, Thâm nhập và triển khai các hoạt động marketing tại các thị trường tiềm năng làm tăng chi phí 140 tỷ tương đương tăng 122 đồng/lít sản phẩm tiêu thụ.

(Xin tham khảo chi tiết thuyết minh biến động chi phí sản xuất kế hoạch 2011 so với thực hiện năm 2010).

**BIẾN ĐỘNG CHI PHÍ SẢN XUẤT
SAU KHI ĐIỀU CHỈNH GIÁ CẢ ĐÀU VÀO NGÀY 29/03/2011**

KHOẢN MỤC CHI PHÍ	TH 2010			KH 2011			SO SÁNH TH 2010		
	Sản lượng SX → 402.823.960			Sản lượng SX → 390.000.000			Giá nguyên liệu tăng (Đồng/K g, Cái)	Giá đơn vị SP tăng (Đ/lít)	Tổng CPSX tăng thêm (Đồng)
	Đơn giá NLC	Đơn giá SPSX	Tỷ trọng	Đơn giá NLC	Đơn giá SPSX	Tỷ trọng			390,000,000
1-CHI PHÍ NVL		2,944,688	61.7%		3,586,870	63.7%		642,182	250,451
a)-NVL chính :		1,671,969	35.1%		2,127,587	35.8%		455,618	177,691
-Malt	9,732	1,171,909	24.6%	13,765	1,581,224	26.9%	4,033	409,315	159,633
-Tầm gạo	7,534	301,414	6.3%	9,100	370,083	6.1%	1,566	68,669	26,781
-Houblon	2,443,634	144,157	3.0%	1,494,631	90,271	1.5%	(949,002)	(53,886)	(21,016)
-Enzim	988,762	25,935	0.5%	1,152,761	30,456	0.6%	163,999	4,521	1,763
-Nước	4,457	28,554	0.6%	9,036	55,554	0.7%	4,580	26,999	10,530

03
NG
CỔ
4-
C G
A/ (

TP. H

b)-VL phụ :		1,272,720	26.7%		1,459,284	27.9%		186,564	72,760
-Giấy bịt đầu chai	48	108,901	2.3%	61	136,927	2.4%	13	28,026	10,930
-Nút khoén Saigon	108	244,769	5.1%	111	254,369	5.0%	3	9,599	3,744
-Nhân thân 45 NT	29	64,714	1.4%	34	77,585	1.4%	6	12,871	5,020
-Keo dán nhân.....	70,047	74,025	1.6%	80,118	96,980	1.7%	10,071	22,954	8,952
-Chai bể	2,211	33,915	0.7%	2,290	37,170	0.7%	79	3,255	1,269
-Hao mòn		7,254	0.2%	-	10,113	0.2%	-	2,860	1,115
-Thùng giấy	3,894	67,829	1.4%	5,600	92,031	1.8%	1,706	24,201	9,438
-Lon	1,606	671,313	14.1%	1,879	754,110	14.8%	274	82,797	32,291
2-NHÂN CÔNG		377,489	7.9%		458,216	9.0%	-	80,727	31,484
3-CHI PHÍ SX CHUNG		1,446,875	30.3%		1,569,863	27.3%		122,988	47,965
-Nhiên liệu: (Dầu FO)	11,280	357,003	7.5%	15,000	459,970	6.9%	3,720	102,968	40,157
-Động lực (điện)	997	111,914	2.3%	1,300	147,038	2.6%	303	35,123	13,698
-KH, TSCĐ		560,487	11.8%	-	552,481	10.8%	-	(8,006)	(3,122)
-Các chi phí #		417,471	8.8%	-	410,373	6.9%	-	(7,098)	(2,768)
GÍA THÀNH		4,769,052	100.0%		5,614,949	100.0%		845,897	329,900



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NGK SÀI GÒN (SABECO)

Số 6 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3829 4081

Fax: (08) 3829 6856

Website: www.sabeco.com.vn

Email: sabeco@sabeco.com.vn

GCN ĐKKD số: 4103010027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp ngày 17/04/2008.

KẾ HOẠCH CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN NĂM 2011

Công ty mẹ

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010		Kế hoạch Năm 2011	So sánh	
			Kế hoạch	Thực hiện		TH 2010/ KH 2010	KH 2011/ TH 2010
I	Các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh						
1	Giá trị sản xuất công nghiệp	Triệu đồng	3,584,473	3,688,699	3,559,894	103%	97%
2	Sản lượng sản xuất và tiêu thụ	Ngàn lít	391,700	402,613	390,000	103%	97%
3	Tổng doanh thu và thu nhập	Triệu đồng	8,225,604	9,663,872	10,240,108	117%	106%
	- Doanh thu kinh doanh chính	"	4,102,775	4,247,081	4,104,258	104%	97%
	- Doanh thu tài chính	"	1,733,411	2,438,907	2,145,334	141%	88%
	- Doanh thu khác	"	2,389,419	2,977,884	3,990,516	125%	134%
4	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	"	2,009,765	2,672,018	2,146,788	133%	80%
	- Hoạt động chính	"	283,411	465,204	10,772	164%	2%
	- Hoạt động khác	"	3,110	27,143	27,809	873%	102%
	- Hoạt động tài chính	"	1,723,245	2,179,671	2,108,207	126%	97%
5	Tổng số thuế và các khoản phải nộp NSNN	"	1,756,657	1,970,357	1,927,199	112%	98%
	1. Thuế giá trị gia tăng	"	211,824	243,639	352,731	115%	145%
	2. Thuế tiêu thụ đặc biệt	"	1,528,413	1,592,408	1,541,834	104%	97%
	3. Thuế thu nhập doanh nghiệp	"	16,420	79,161	32,634	482%	41%
	4. Thuế khác	"		55,149			

ST
ON
HÀ
RU
AI
R
O
O
C

II	Đầu tư và mua sắm tài sản cố định	"					
1	Đầu tư xây dựng cơ bản	"	451,531	93,872	1,180,889	21%	1258%
	Dự án nâng công suất Nhà máy Củ Chi lên 264 triệu lít/năm	"	107,752	27,902	233,444	26%	837%
	Dự án Nhà máy SG - Hà Tĩnh	"	128,450	8,786	338,700	7%	3855%
	Dự án nâng công suất Nhà máy SG - Ninh Thuận	"	25,000	4	420,423	0%	
	Đầu tư mới PC chiết lon Nm Bia Củ Chi	"	41,510		129,150	0%	
	Cải tạo thay thế tank lên men	"	94,910	49,636	-	52%	0%
	Khác	"	53,909	7,544	59,172	14%	784%
2	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện quản lý	"	20,000	8,186	32,275	41%	394%
3	Đầu tư vào doanh nghiệp khác	"		2,500	492,000		
II							
I	Lao động và tiền lương						
1	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	194,870	192,562	207,572	99%	108%
2	Tổng lao động	Lao động	1,037	913	977	88%	107%
3	Thu nhập bình quân người lao động	Trđ/Ng /tháng	15.66	17.58	17.70	112%	101%
I							
V	Chỉ tiêu tài chính						
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	6,412,811	6,412,811	6,412,811	100%	100%
2	Lợi nhuận sau thuế	"	1,993,345	2,592,856	2,114,155	130%	82%
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ	%	31%	40%	33%	130%	82%



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NGK SÀI GÒN (SABECO)
Số 6 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 3829 4081 Fax: (08) 3829 6856
Website: www.sabeco.com.vn Email: sabeco@sabeco.com.vn
GCN ĐKKD số: 4103010027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp ngày 17/04/2008.

KẾ HOẠCH CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN NĂM 2011

Công ty TNHH MTV Thương mại Sabeco

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010		Kế hoạch Năm 2011	So sánh	
			Kế hoạch	Thực hiện		TH 2010 /KH 2010	KH 2011 /TH 2010
I	Các chỉ tiêu kinh doanh						
1	Sản lượng tiêu thụ	Ngàn lít	1,000,000	1,095,810	1,150,000	110%	105%
2	Tổng doanh thu và thu nhập	Triệu đồng	14,074,413	15,785,431	16,867,985	112%	107%
	- Doanh thu kinh doanh chính	"	13,690,193	15,315,704	16,352,190	112%	107%
	- Doanh thu tài chính	"	172,522	212,449	134,699	123%	63%
	- Doanh thu khác	"	211,698	257,278	381,096	122%	148%
3	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	"	1,920,260	2,229,719	2,230,438	116%	100%
	- Hoạt động chính	"	1,743,344	2,008,346	2,090,700	115%	104%
	- Hoạt động khác	"	4,395	9,634	5,039	219%	52%
	- Hoạt động tài chính	"	172,522	211,739	134,699	123%	64%
4	Tổng số thuế và các khoản phải nộp NSNN	"	649,682	814,640	749,855	125%	92%
	1. Thuế giá trị gia tăng	"	212,722	197,132	222,179	93%	113%
	2. Thuế tiêu thụ đặc biệt	"		1,623			0%
	3. Thuế thu nhập doanh nghiệp	"	436,960	612,125	527,675	140%	86%
	4. Thuế khác	"		3,759			0%

22
TỶ
U
HÀ
I N

II	Đầu tư và mua sắm tài sản cố định	"					
1	Đầu tư xây dựng cơ bản	"	-	-	47,000		
	Xây dựng kho				45,000		
	Mở rộng phòng làm việc				2,000		
2	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện quản lý	"	N/A	2,145	2,303		107%
3	Đầu tư vào doanh nghiệp khác	"	-	-	-		
III	Lao động và tiền lương						
1	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	30,120	41,161	43,271	137%	105%
2	Tổng lao động	Lao động	216	206	216	95%	105%
3	Thu nhập bình quân người lao động	Trđ/Ng /tháng	11.62	16.65	16.69	143%	100%
IV	Chỉ tiêu tài chính						
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng		-			
2	Lợi nhuận sau thuế	"	1,483,300	1,617,594	1,702,763	109%	105%
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ	%					



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NGK SÀI GÒN (SABECO)
Số 6 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 3829 4081 Fax: (08) 3829 6856
Website: www.sabeco.com.vn Email: sabeco@sabeco.com.vn
GCN ĐKKD số: 4103010027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp ngày 17/04/2008.

KẾ HOẠCH CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN NĂM 2011

Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010		Kế hoạch Năm 2011	So sánh	
			Kế hoạch	Thực hiện		TH 2010/KH 2010	KH 2011/TH 2010
I	Các chỉ tiêu kinh doanh						
1	Sản lượng bảo trì	Ngàn lít	391,700	402,613	390,000	103%	97%
2	Tổng doanh thu và thu nhập	Triệu đồng	38,730	63,375	59,864	164%	94%
	- Doanh thu kinh doanh chính	"	28,193	40,109	42,946	142%	107%
	- Doanh thu tài chính	"	1,537	2,826	1,618	184%	57%
	- Doanh thu khác	"	9,000	20,439	15,300	227%	75%
3	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	"	1,110	4,093	2,016	369%	49%
	- Hoạt động chính	"	(427)	905	(0)	-212%	0%
	- Hoạt động khác	"	-	421	400		95%
	- Hoạt động tài chính	"	1,537	2,768	1,616	180%	58%
4	Tổng số thuế và các khoản phải nộp NSNN	"	-	10,125	4,459		44%
	1. Thuế giá trị gia tăng	"		5,676	4,256		75%
	2. Thuế tiêu thụ đặc biệt	"		0			
	3. Thuế thu nhập doanh nghiệp	"		786	203		26%
	4. Thuế khác	"		3,663			0%
II	Đầu tư và mua sắm tài sản cố định	"					

C.T.C.P. H

1	Đầu tư xây dựng cơ bản	"	-	-	48,000		
	Xây dựng nhà máy chế tạo thiết bị, phụ tùng đồ uống và thực phẩm				48,000		
2	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện quản lý	"	N/A	16	170		1063 %
3	Đầu tư vào doanh nghiệp khác	"	-	-	-		
III	Lao động và tiền lương						
1	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	23,257	33,136	33,411	142%	101%
2	Tổng lao động	Lao động	187	187	200	100%	107%
3	Thu nhập bình quân người lao động	Trđ/Ng/tháng	10.36	14.77	13.92	142%	94%
IV	Chỉ tiêu tài chính						
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng		-			
2	Lợi nhuận sau thuế	"	1,110	3,307	1,813	298%	55%
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ	%					

Số: **153** /2011/TTr-HĐQT

TP. HCM, ngày **02** tháng **6** năm 2011

TỜ TRÌNH

V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2010 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2011

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SABECO);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông SABECO ngày 12/06/2010 của Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn về kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2010;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng năm 2010 của Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn đã được kiểm toán; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 trình Bộ Công Thương thông qua.

Hội đồng quản trị SABECO kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo phân phối lợi nhuận năm 2010 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2011 như sau:

1) Phân phối lợi nhuận năm 2010

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Diễn giải	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	So sánh TH/KH	
				Chênh lệch	%
1	Lợi nhuận trước thuế (theo BCTC)	2.446.725	2.672.018		
	Giảm trừ lợi nhuận năm 2009		423.246		
	Lợi nhuận trước thuế (sau khi giảm trừ)	2.446.725	2.248.772	(197.953)	92%
2	Lợi nhuận sau thuế (theo BCTC)	1.995.304	2.592.856		
	Giảm trừ lợi nhuận năm 2009		423.246		
	Lợi nhuận sau thuế (sau khi giảm trừ)	1.995.304	2.169.611	174.307	109%
3	Lợi nhuận phân phối	1.457.327	2.211.975		
	-Trích quỹ dự phòng bổ sung VDL (5%)	99.765	108.481		
	- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	90.115		
	-Trích quỹ phúc lợi và khen thưởng	55.000	67.840		
	-Trích quỹ công tác xã hội (1%)	20.000	21.696		
	-Chia cổ tức	1.282.562	1.923.844		
	Trong đó: + Từ LN chưa phân phối năm trước		107.384		
	+ Từ LN năm nay		1.816.460		
	- Tỷ lệ	20%	30%		
4	Lợi nhuận chưa phân phối	645.361	65.020		
	-Năm 2009 chuyển sang	107.384	-		
	-Năm 2010	537.977	65.020		

(*) Trích quỹ đầu tư phát triển: Căn cứ văn bản số 499/TC/TCĐN ngày 16/01/2002 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc quản lý hạch toán khoản thuế TNDN được miễn giảm tại các DNNN thực hiện chuyển đổi sở hữu. Năm 2010 trích lập quỹ đầu tư phát triển toàn bộ số thuế TNDN được miễn giảm từ thời điểm 01/05/2008 đến 31/12/2010 theo đúng quy định hiện hành.

2) Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2011

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Diễn giải	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2011
1	Lợi nhuận trước thuế	2.248.772	2.146.788
2	Lợi nhuận sau thuế	2.169.611	2.114.155
3	Lợi nhuận phân phối, Trong đó:	2.211.975	1.496.057
	-Trích quỹ dự phòng bổ sung VDL (5%)	108.481	105.708
	- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (Thuế TNDN miễn giảm)	90.115	19.947
	-Trích quỹ phúc lợi và khen thưởng (3T lương + thù lao)	67.840	67.840
	-Trích quỹ công tác xã hội (1%)	21.696	20.000
	-Chia cổ tức, trong đó:	1.923.844	1.282.562
	+Từ LN chưa phân phối năm trước	107.384	65.020
	+Từ LN năm nay	1.816.460	1.217.542
	+Tỉ lệ	30%	20%
4	Lợi nhuận chưa phân phối	65.020	683.118
	-Năm trước chuyển sang		-
	-Năm nay	65.020	683.118

- Trích quỹ công tác xã hội: Đề nghị trích 1% lợi nhuận sau thuế không quá 20 tỉ đồng

- Trích quỹ khen thưởng - phúc lợi: Căn cứ kết quả thực hiện nếu hoàn thành kế hoạch lợi nhuận trích tối đa 03 tháng lương, thù lao thực tế. Trường hợp không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận thì đề nghị cho trích tháng lương thứ 13 và báo cáo kết quả Đại hội cổ đông năm sau quyết định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./ *thul*

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT;
- Lưu VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bá Thi

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NGK SÀI GÒN (SABECO)**

Số 6 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3829 4081

Fax: (08) 3829 6856

Website: www.sabeco.com.vn

Email: sabeco@sabeco.com.vn

GCN ĐKKD số: 4103010027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp ngày 17/04/2008.

Số: *157*/2011/TTr-HĐQTTp. HCM, ngày *02* tháng 6 năm 2011**TỜ TRÌNH**

**V/v: Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2010 và
Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2011 của HĐQT, BKS**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ luật doanh nghiệp năm 2005;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 07/4/2008;

Căn cứ Nghị quyết số: 20/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/6/2010 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn năm 2010 về việc kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2010;

Căn cứ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 của Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị SABECO kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt quyết toán tiền lương, thù lao năm 2010 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2011 cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát như sau:

A. QUYẾT TOÁN TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO NĂM 2010:

Diễn giải	Tiền lương (đvt : đồng)
I. NGUỒN QUỸ TIỀN LƯƠNG - THÙ LAO VÀ TIỀN THƯỞNG	5.625.000.000
1. Tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS theo NQ ĐHCĐTN 2010	4.500.000.000
2. Tiền thưởng vượt lợi nhuận kế hoạch năm theo NQ ĐHCĐTN 2010 (tương đương 03 tháng tiền lương thực hiện)	1.125.000.000
II. PHÂN PHỐI TRONG NĂM 2010, Trong đó:	4.500.000.000
- Tiền lương thành viên chuyên trách HĐQT và Ban KS	3.765.000.000
- Thù lao thành viên kiêm nhiệm HĐQT và Ban KS	735.000.000
III. CHÊNH LỆCH THỪA THEO NQ ĐHCĐTN 2010	1.125.000.000
- Tiền lương	0
- Tiền thưởng còn 100% (chưa thực hiện phân phối)	1.125.000.000

B. KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO NĂM 2011:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2011
1.	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	2.146.788

2.	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	2.114.155
3.	Tiền lương cho HĐQT, Ban Kiểm soát	Tr.đồng	3.726
4.	Thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát	Tr.đồng	990
5.	Tiền thưởng cho HĐQT, Ban Kiểm soát	Tr.đồng	1.179

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT;
- Lưu VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bá Thi



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2011

TỜ TRÌNH

(v/v lựa chọn đơn vị kiểm toán)

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn
- Căn cứ Quyết định số 15/2007/QĐ-BTC ngày 19/03/2007 của Bộ Tài chính quy định quyền hạn trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc chọn lựa đơn vị kiểm toán độc lập.
- Căn cứ tinh thần cuộc họp Hội đồng quản trị Tổng công ty ngày 17 / 05 /2011 trao quyền Ban kiểm soát đề xuất danh sách đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán cho Tổng công ty báo cáo tài chính năm 2011.
- Căn cứ kết quả nghiên cứu tìm hiểu về năng lực và uy tín các công ty kiểm toán được phép kiểm toán các công ty đại chúng niêm yết theo danh sách công bố của UBCK nhà nước ở hiện tại.

Ban kiểm soát xin đề xuất danh sách chọn lựa các công ty kiểm toán độc lập như sau:

1. Công ty TNHH Ernst & Young Việt nam;
2. Công ty TNHH Price Waterhouse coopers Việt nam;
3. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Trong đó: Công ty Kiểm toán Ernst & Young (gọi tắt là E&Y) đã được tuyển chọn kiểm toán cho Sabeco năm 2010 trên cơ sở hồ sơ chào (như chào thầu), đã được nghiên cứu, đánh giá công khai nghiêm túc của các cơ quan chuyên môn. Thực tế kết quả kiểm toán 2011 của E&Y cho thấy có chất lượng, trình bày thông tin đầy đủ, kỹ càng và rõ ràng giúp người đọc có cơ sở tin cậy, thỏa mãn được những nội dung cần quan tâm, cảm thấy hài lòng. Mặt khác chi phí kiểm toán là hợp lý, tiết kiệm so với năm 2009 trên 30%. Chúng tôi kiến nghị tiếp tục chọn công ty E&Y kiểm toán cho Sabeco năm 2011.

Đối tượng kiểm toán:

- Báo cáo tài chính riêng: Công ty mẹ, Công ty TNHH 1 TV TM Sabeco, Công ty TNHH 1 TV cơ khí Sabeco.
- Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phạm vi kiểm toán:

Kiểm toán cho kỳ kế toán 2011, kết thúc tại ngày 31/12/2011
Đề nghị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

TỜ TRÌNH

V/v Miễn nhiệm và Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2011

Căn cứ điều 96 Luật Doanh nghiệp 2005; Căn cứ điều 29, điều 42 Điều lệ SABECO;
Căn cứ Công văn số 3599/BCT-TCCB ngày 21/04/2011 của Bộ Công Thương về việc thay đổi nhân sự quản lý phần vốn Nhà nước tại SABECO; Kèm theo các Quyết định số 1929/QĐ-BCT ngày 21/04/2011 của Bộ Công Thương về việc ông Vũ Quốc Anh, Vụ trưởng vụ Tài chính, thôi kiêm nhiệm vụ quản lý phần vốn Nhà nước tại SABECO; Quyết định số 1930/QĐ-BCT ngày 21/04/2011 của Bộ Công Thương về việc cử cán bộ tham gia bộ phận trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước tại SABECO;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011, biểu quyết các nội dung về công tác nhân sự Hội đồng quản trị cụ thể như sau:

1/ Biểu quyết miễn nhiệm, thông qua việc ông **Vũ Quốc Anh** xin từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (theo đơn từ nhiệm của ông Vũ Quốc Anh)

2/ Biểu quyết số lượng Thành viên HĐQT là bảy (7) người: Thay thế 1 TV và bổ sung 1 TV.

3/ Giới thiệu và Bầu bổ sung 2 thành viên Hội đồng quản trị SABECO:

3.1/ Họ và tên: Phạm Thị Hồng Hạnh

- Sinh ngày: 24/11/1960

- Trình độ: Cử nhân Kinh tế, Kỹ sư Điện, Cao cấp Lý luận chính trị.

- Chức vụ hiện tại: Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn – Nguyễn Chí Thanh; Chủ tịch Công đoàn Tổng Công ty.

3.2/ Họ và tên: Lê Hồng Xanh

- Sinh ngày: 12/06/1957

- Trình độ: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật, Cao cấp Lý luận chính trị.

- Chức vụ hiện tại: Giám đốc điều hành Marketing; Kiêm Phó Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Thương mại SABECO.

Trân trọng kính trình !

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bá Thi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

==oOo==

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 5 năm 2011

Kính gửi: – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA – RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN (SABECO)
– HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ SABECO

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2005;

Căn cứ Điều lệ SABECO;

Tên tôi là Vũ Quốc Anh – thành viên kiêm nhiệm Hội đồng quản trị (HĐQT) SABECO nhiệm kỳ 1 do Đại hội đồng cổ đông SABECO bầu ngày 12/6/2010.

Hiện nay, do yêu cầu công tác, tôi không thể tiếp tục tham gia kiêm nhiệm thành viên HĐQT SABECO.

Vì vậy, bằng văn bản này, tôi xin đề nghị được rút khỏi vị trí thành viên kiêm nhiệm HĐQT SABECO.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

THÀNH VIÊN HĐQT


Vũ Quốc Anh

ĐẠI
TỔ
C
BI
VƯỜ
S
VI-

BỘ CÔNG THƯƠNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **3599** /BCT-TCCBHà Nội, ngày **21** tháng 4 năm 2011

V/v thay đổi nhân sự quản lý
phần vốn nhà nước
tại Sabeco

HĐQT TCT CP SABECO
CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 241 /2011/VP.HĐQT
Ngày: 22 / 04 /2011

Kính gửi: Bộ phận trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước tại Sabeco

Đồng chí Vũ Quốc Anh, Vụ trưởng Vụ Tài chính được Lãnh đạo Bộ cử tham gia Bộ phận trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco) và đã được Đại hội đồng cổ đông bầu vào Hội đồng quản trị, đảm nhận nhiệm vụ Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm.

Nay do nhu cầu công tác, Lãnh đạo bộ xem xét đề đồng chí Vũ Quốc Anh thôi nhiệm vụ trên và cử các đồng chí Phạm Thị Hồng Hạnh, Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn-Nguyễn Chí Thanh, đồng chí Lê Hồng Xanh, Giám đốc điều hành Marketing kiêm Phó giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại Sabeco tham gia Bộ phận trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước tại Sabeco.

Bộ Công Thương giao Bộ phận trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước tại Sabeco thông báo với cổ đông của Sabeco việc thay đổi nhân sự này để tiến hành các thủ tục cần thiết cho đồng chí Vũ Quốc Anh được thôi nhiệm vụ Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm và bầu đồng chí Phạm Thị Hồng Hạnh và đồng chí Lê Hồng Xanh vào Hội đồng quản trị, đảm nhận nhiệm vụ Ủy viên Hội đồng quản trị.

Bộ phận trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước tại Sabeco báo cáo về Bộ Công Thương kết quả thực hiện./. q

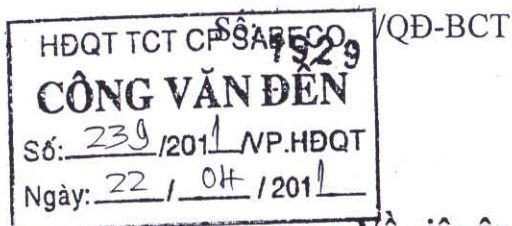
Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Vụ: TC, CNN;
- Lưu: VT, TCCB.



Nguyễn Nam Hải

30
GOC
OP
A-R
GIÁ
IG
P. H



Hà Nội, ngày ²¹ tháng 4 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ông Vũ Quốc Anh, Vụ trưởng Vụ Tài chính
thôi kiêm nhiệm vụ quản lý phần vốn Nhà nước tại Sabeco

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Xét nhu cầu công tác;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ông Vũ Quốc Anh, Vụ trưởng Vụ Tài chính thôi kiêm nhiệm vụ quản lý phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng thuộc Bộ, Bộ phận quản lý phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn và ông Vũ Quốc Anh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu VT, TCCB.

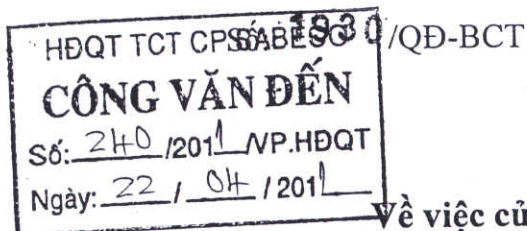
KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Nguyễn Nam Hải

002
NGT
AN
TQU
KHA
ON
CHI

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hà Nội, ngày ²¹ tháng 4 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cử cán bộ tham gia bộ phận trực tiếp quản lý
phần vốn Nhà nước tại Sabeco**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Xét nhu cầu công tác;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử các ông, bà có tên sau tham gia Bộ phận trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco):

1. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh, Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh.

2. Ông Lê Hồng Xanh, Giám đốc điều hành Marketing kiêm Phó giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại Sabeco.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng thuộc Bộ, Bộ phận trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước tại Sabeco và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / g

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu VT, TCCB.

KT. BỘ TRƯỞNG
THU TRƯỞNG

Nguyễn Nam Hải



TP. HCM, ngày ... tháng ... năm 2011

QUY CHẾ TỔ CHỨC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN SABECO NĂM 2011

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn (SABECO);

Đại hội đồng cổ đông Thường niên SABECO năm 2011 (sau đây gọi tắt là Đại hội) quyết định thông qua Quy chế tổ chức Đại hội như sau:

ĐIỀU 1: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi áp dụng: Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên SABECO năm 2011.
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền, các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.
3. Cổ đông, người được ủy quyền và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

ĐIỀU 2: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI

1. Cổ đông có quyền tham dự, thảo luận, và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội, một cổ phần phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cổ đông vì lý do riêng không có điều kiện trực tiếp đến tham dự Đại hội được thì cổ đông có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thay mặt mình tham dự, thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề tại Đại hội. Người được ủy quyền thay mặt cổ đông/nhóm cổ đông có toàn quyền thực hiện các biểu quyết tại Đại hội.
3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội trước khi cuộc họp khai mạc phải thực hiện thủ tục đăng ký tư cách cổ đông tham dự Đại hội với Ban tổ chức, nhận tài liệu, phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử tại bàn tiếp đón, khi vào hội trường cổ đông phải ngồi theo đúng vị trí do Ban tổ chức sắp xếp.
4. Cổ đông đến Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội, chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

5. Cổ đông phải nghiêm túc chấp hành Nội quy của Đại hội trong suốt thời gian diễn ra Đại hội, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội và mọi sự điều hành của Chủ tọa Đại hội.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ TỌA

1. Chủ tọa Đại hội là Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội:
 - Chủ trì Đại hội, quyết định trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình Đại hội theo Quy định của Pháp luật và Điều lệ SABECO.
 - Hướng dẫn Đại hội thảo luận các nội dung các tờ trình và kết luận các vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
 - Trả lời hoặc cử cán bộ quản lý có liên quan trả lời các vấn đề do Đại hội yêu cầu và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thời gian Đại hội diễn ra.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

1. Ban Thư ký Đại hội do Chủ tọa chỉ định.
2. Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp Đại hội theo sự phân công của Chủ tọa, tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu ý kiến của cổ đông, ghi chép, phản ánh trung thực, chính xác toàn bộ nội dung của Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM TRA TỰ CÁCH CỔ ĐÔNG

1. Ban kiểm tra tự cách cổ đông tham dự Đại hội do Ban tổ chức Đại hội cử.
2. Ban kiểm tra tự cách cổ đông có nhiệm vụ tiếp nhận, kiểm tra các loại giấy tờ chứng minh tự cách cổ đông của cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền thay mặt cổ đông tham dự Đại hội. Báo cáo kết quả kiểm tra tự cách cổ đông trước Đại hội.
3. Trường hợp người đến dự Đại hội không chứng minh được đầy đủ tự cách cổ đông tham dự Đại hội, Ban kiểm tra tự cách cổ đông có quyền từ chối cấp phiếu biểu quyết và tài liệu họp.

ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM PHIẾU

1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể là cán bộ công nhân viên của Sabeco, cổ đông và/hoặc đơn vị tư vấn tổ chức Đại hội cổ đông. Thành viên Ban kiểm phiếu không đồng thời là Chủ tọa hoặc Ban Thư ký đại hội.
2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và đại diện uỷ quyền
 - Tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu.
 - Công bố kết quả kiểm phiếu một cách trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm phiếu trước Đại hội

ĐIỀU 7: TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

1. Cuộc họp Đại hội cổ đông được tiến hành khi số cổ đông dự họp đại diện ít nhất **65%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Đại hội sẽ tiến hành lần lượt theo nội dung chương trình do Chủ tọa công bố và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

ĐIỀU 8: BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

1. Những ý kiến, kiến nghị của các cổ đông được thảo luận công khai và biểu quyết dưới hình thức giơ phiếu biểu quyết tại Đại hội. Một vấn đề được biểu quyết thông qua khi tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết đạt **65%** (*tỷ lệ này là 65% hoặc 75% tùy từng nội dung vấn đề theo quy định tại Điều lệ SABECO*) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
2. Mỗi cổ đông hoặc Người đại diện được ủy quyền sẽ được cấp một phiếu biểu quyết, trong đó có ghi tên, mã số cổ đông tham dự Đại hội và số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Cổ đông hoặc Người đại diện được ủy quyền thực hiện việc biểu quyết để đồng ý, hoặc không đồng ý, hoặc có ý kiến khác cho một vấn đề phải thông qua trong Đại hội, bằng cách giơ cao phiếu biểu quyết. Khi biểu quyết, mặt trước của phiếu biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa.
4. Ghi nhận kết quả biểu quyết của cổ đông hoặc Người đại diện được ủy quyền, được thực hiện bởi Ban Thư ký.

ĐIỀU 9: PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI:

1. Các cổ đông hoặc Người đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội muốn phát biểu ý kiến phải ghi nội dung vào giấy và gửi cho Ban Thư ký để trình Chủ tọa và được sự chấp thuận của Chủ tọa.
2. Nội dung phát biểu phải ngắn gọn và phù hợp với chương trình Đại hội.

ĐIỀU 10: BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Tất cả các nội dung tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 phải được Ban Thư ký ghi vào Biên bản của Đại hội
2. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 phải được được và thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu lại tại trụ sở chính của SABECO.
Dự thảo Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ Thường niên SABECO năm 2011 này được trình bày trước Đại hội và thông qua khi được sự chấp thuận của ít nhất **65%** số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NGK SÀI GÒN (SABECO)

Số 6 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3829 4081

Fax: (08) 3829 6856

Website: www.sabeco.com.vn

Email: sabeco@sabeco.com.vn

GCN ĐKKD số: 4103010027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp ngày 17/04/2008.

Tp. HCM, ngày... tháng ... năm 2011

**QUY CHẾ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN SABECO NĂM 2011**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SABECO).

Đại hội đồng cổ đông thường niên SABECO năm 2011 (Đại hội) quyết định thông qua quy chế bầu cử bổ sung thay thế thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT) như sau:

Điều 1: Đối tượng thực hiện bầu cử

Các cổ đông sở hữu cổ phần SABECO.

Điều 2: Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử, đề cử ứng viên Hội đồng Quản trị

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b. Cổ đông là cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người không phải là cổ đông thì phải có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của SABECO.
- c. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật.

Điều 3: Đề cử ứng cử viên và số thành viên được bầu

1. Đề cử ứng cử viên

Cổ đông là cá nhân, hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề cử hoặc ứng cử thành viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết theo các tỷ lệ dưới đây được đề cử hoặc ứng cử số thành viên vào Hội đồng quản trị như sau:

Tỷ lệ CP nắm giữ	Quyền đề cử/ứng cử
Từ trên 5% đến dưới 20%	Một ứng cử viên
Từ 20% đến dưới 50%	Hai ứng cử viên
Từ 50% đến dưới 65%	Ba ứng cử viên

Tỷ lệ CP nắm giữ	Quyền đề cử/ứng cử
Từ 65% trở lên	Đủ số ứng cử viên

Cổ đông/nhóm cổ đông đáp ứng đủ các điều kiện nêu trên vui lòng gửi Thư ứng cử/đề cử và Sơ yếu lý lịch của ứng viên về Ban tổ chức Đại hội trước ngày 20/06/2011.

2. Số lượng thành viên HĐQT

- Điều lệ SABECO quy định số lượng thành viên HĐQT tối thiểu 05 thành viên và tối đa 07 thành viên.
- Số thành viên HĐQT tại thời điểm hiện tại là: 06 thành viên.
- Tại Đại hội lần này, có một (1) thành viên HĐQT xin từ nhiệm, Đại hội dự kiến bầu bổ sung, thay thế hai (02) thành viên HĐQT.

ĐIỀU 4: Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

1. Danh sách ứng cử viên:

- Danh sách các ứng cử viên được tổng hợp từ kết quả tổng hợp phiếu tự ứng cử, đề cử của cổ đông gửi Ban tổ chức trước Đại hội và được Đại hội đồng cổ đông thường niên SABECO thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.

2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số quyền biểu quyết theo mã số tham dự;
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát phiếu bầu Hội đồng quản trị theo mã số tham dự;
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;
- Cổ đông phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (có giấy ủy quyền), người được ủy quyền có đầy đủ quyền biểu quyết.

3. Một số ví dụ hướng dẫn hình thức bầu dồn phiếu.

Ví dụ Cổ đông đại diện sở hữu tại đại hội là 1.000 cổ phần thực hiện bầu 2 thành viên HĐQT thì số phiếu bầu của cổ đông là $1.000 \times 2 = 2.000$ phiếu bầu. Một số ví dụ minh họa cho việc bầu thành viên Hội đồng quản trị như sau (ví dụ tại Đại hội chỉ có 02 ứng cử viên HĐQT):

+ Cách 1:

- ✚ Ứng cử viên 1 = 1.500 phiếu bầu (và đánh dấu X vào ô phía trước tên ứng viên).
- ✚ Ứng cử viên 2 = 500 phiếu bầu (và đánh dấu X vào ô phía trước tên ứng viên).
- ✚ **Cộng: 2.000 phiếu bầu**

+ Cách 2:

- ✚ Ứng cử viên 1 = 2.000 phiếu bầu (và đánh dấu X vào ô phía trước tên ứng viên).
- ✚ Ứng cử viên 2 = 0 phiếu bầu (Gạch lên cả họ và tên ứng viên không chọn).
- ✚ **Cộng: 2.000 phiếu bầu**

+ Cách 3:

- ✚ Ứng cử viên 1 = 200 phiếu bầu (và đánh dấu X vào ô phía trước tên ứng viên).

✚ Ứng cử viên 2 = 1.800 phiếu bầu (và đánh dấu X vào ô phía trước tên ứng viên).

✚ **Cộng: 2.000 phiếu bầu**

4. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty và/hoặc chữ ký của Trưởng Ban tổ chức Đại hội;
- Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu có tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền.

ĐIỀU 5: Phương thức bầu cử

- Biểu quyết bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;
- Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu;
- Cổ đông có thể dồn hết tổng số quyền biểu quyết cho một hoặc một số ứng cử viên.

ĐIỀU 6: Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:
 - Tóm lược nội dung Quy chế bầu cử;
 - Giới thiệu phiếu và phát phiếu bầu;
 - Giới thiệu ứng cử viên;
 - Thu phiếu, kiểm phiếu;
 - Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.
- Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử;

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông có mặt tại Đại hội cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

ĐIỀU 7: Nguyên tắc trúng cử

1. Nguyên tắc trúng cử:

- Căn cứ vào khoản 4, điều 29 – Bầu dồn phiếu – của Nghị định Chính phủ số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp, trích nguyên văn: “Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành

bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí theo quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty”.

ĐIỀU 8: Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ; số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên.
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

ĐIỀU 9: Điều khoản chung

- Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản Đại hội.

Quy chế này gồm có 09 điều và được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua.

**TM ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**